

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP.HCM.

- * Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
- * Mã chứng khoán: PCT
- * Trụ sở chính: Khu dịch vụ số 04, Tầng 6, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- * Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334
- * Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Ngọc Phụng (Giám đốc Công ty)
- * Loại thông tin công bố:
 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- * Nội dung công bố thông tin: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019, Nghị quyết của HĐQT về việc bầu chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngày 22/04/2019, Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 được bầu tại Đại hội cũng đã họp và bầu ra Chủ tịch HĐQT. Công ty xin được công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT như đính kèm.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/04/2019 tại đường dẫn www.pct.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: ATPC, DH.



**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Hôm nay, ngày 22/04/2019, vào lúc 14 giờ 00 phút tại Hội trường C, Khách sạn Victory, 14 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM, ĐHĐCD thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT) đã được tiến hành với thành phần và nội dung như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Chủ tọa đại hội

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty – Ông Đỗ Anh Việt – là chủ tọa điều hành Đại hội.

2. Cổ đông tham dự

ĐHĐCD đã nghe bà Dương Thị Thùy Linh – đại diện Tổ Kiểm tra tư cách cổ đông – công bố kết quả xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông có mặt tại thời điểm khai mạc đại hội là 9 người (trực tiếp và thông qua người đại hiện theo uỷ quyền) đại diện cho 17.706.522 cổ phần, chiếm 76,98% tổng cổ phần có quyền biểu quyết (Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông – đính kèm Biên bản này).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước CHXHCNVN, Điều lệ Công ty, ĐHĐCD thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam đủ điều kiện tiến hành.

3. Đoàn chủ tọa, Thư ký Đại hội và Tổ kiểm phiếu:

Ban tổ chức đã giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại Hội, Thư ký Đại hội và Tổ kiểm phiếu như sau:

✓ **Đoàn chủ tọa:**

1. Ông Đỗ Anh Việt - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Võ Ngọc Phụng - Giám đốc Công ty

Ông Đỗ Anh Việt đương nhiên là chủ tọa đại hội.

Việc bầu ông Võ Ngọc Phụng vào Đoàn chủ tọa có kết quả biểu quyết như sau:

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.706.823 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 49 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ là: 17.706.774 cổ phần, chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.706.774	17.706.774	0	0
Đạt tỷ lệ % CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

Kết quả: Ông Võ Ngọc Phụng được tham gia vào Đoàn chủ tọa.

✓ **Thư ký Đại hội:**

1. Bà Nguyễn Diệu Hoa - Người phụ trách quản trị Công ty
2. Bà Hoàng Lê Hương - Phó phòng Tài chính - Kế toán

Với kết quả biểu quyết như sau:

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.706.823 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 49 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ là: 17.706.774 cổ phần, chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.706.774	17.706.774	0	0
Đạt tỷ lệ % CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

Kết quả: Bà Nguyễn Diệu Hoa và Bà Hoàng Lê Hương được bầu làm Thư ký đại hội

✓ **Tổ kiểm phiếu:**

1. Bà Dương Thị Thuỳ Linh : Tổ Trưởng
2. Bà Hoàng Lê Hương : Thành viên
3. Bà Nguyễn Diệu Hoa : Thành viên
4. Bà Lê Thị Anh Đào : Thành viên
5. Ông Nguyễn Văn Nguyên : Thành viên

Với kết quả biểu quyết như sau:

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.706.823 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 49 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Handwritten signature

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ là: 17.706.774 cổ phần, chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.706.774	17.706.774	0	0
Đạt tỷ lệ % CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

Kết quả: bầu tổ kiểm phiếu gồm 5 thành viên:

1. Bà Dương Thị Thuỳ Linh : Tổ Trưởng
2. Bà Hoàng Lê Hương : Thành viên
3. Bà Nguyễn Diệu Hoa : Thành viên
4. Bà Lê Thị Anh Đào : Thành viên
5. Ông Nguyễn Văn Nguyên : Thành viên

II. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

A. Khai mạc đại hội và thông qua Nội quy đại hội

- Ban tổ chức Đại hội đã tuyên bố khai mạc đại hội.
- Đại hội tiến hành biểu quyết công khai Nội quy Đại hội, thể lệ biểu quyết, thể lệ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 - 2023 với kết quả biểu quyết như sau:

1. Nội quy Đại hội

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.706.823 cổ phần.
 Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 49 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.
 Số cổ phần biểu quyết hợp lệ là: 17.706.774 cổ phần, chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.706.774	17.706.774	0	0
Đạt tỷ lệ % CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

Kết quả: Căn cứ quy định của Điều lệ công ty và Điều 144 Luật Doanh nghiệp và kết quả kiểm phiếu thì Nội quy đại hội đã được thông qua.

2. Thể lệ biểu quyết

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.706.823 cổ phần. 



Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 49 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ là: 17.706.774 cổ phần, chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.706.774	17.706.774	0	0
Đạt tỷ lệ % CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

Kết quả: Căn cứ theo quy định của Điều lệ công ty và Điều 144 Luật Doanh nghiệp và kết quả kiểm phiếu thì Thẻ lệ biểu quyết đã được thông qua.

3. Thẻ lệ bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.706.823 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 49 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ là: 17.706.774 cổ phần, chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.706.774	17.706.774	0	0
Đạt tỷ lệ % CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

Kết quả: Căn cứ quy định của Điều lệ công ty, Điều 144 Luật Doanh nghiệp và kết quả kiểm phiếu thì Thẻ lệ bầu Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát đã được thông qua.

B. Các nội dung được đưa vào chương trình đại hội

Các nội dung được đưa ra biểu quyết để đưa vào chương trình đại hội như sau:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc.
2. Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.
4. Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
5. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

6. Tờ trình về việc phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.
7. Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2018.
8. Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
9. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019.
10. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
11. Tờ trình về việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
12. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.
13. Tờ trình về việc bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Kết quả biểu quyết như sau:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.775	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

2. Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.775	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

3. Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.775	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

4. Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.775	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

5. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.775	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

6. Tờ trình về việc phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.675	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

7. Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2018.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.675	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

8. Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.714.675	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

9. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.706.175	0	8.600
Đạt tỷ lệ %	100%	99,95%	0%	0,05%

tổng số CP biểu quyết hợp lệ				
------------------------------	--	--	--	--

10. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.706.175	0	8.600
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,95%	0%	0,05%

11. Tờ trình về việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.706.175	0	8.600
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,95%	0%	0,05%

12. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.706.175	0	8.600
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,95%	0%	0,05%

13. Tờ trình về việc bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.823 cổ phần

Số cổ phần tham dự đại hội cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 48 cổ phần chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.775 cổ phần chiếm 99,9997%, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.775	17.706.175	0	8.600
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,95%	0%	0,05%

Căn cứ quy định của Điều lệ công ty và Điều 144 Luật Doanh nghiệp và kết quả kiểm phiếu thì các nội dung được đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét gồm các nội dung sau:


1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc.
2. Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.
4. Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
5. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
6. Tờ trình về việc phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.
7. Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2018.
8. Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
9. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019.
10. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
11. Tờ trình về việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
12. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.
13. Tờ trình về việc bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại đại hội theo các nội dung Tờ trình

1. Phê duyệt Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau: 

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.774	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

2. Phê duyệt Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.774	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

3. Phê duyệt Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.774	0	0
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%

4. Phê duyệt Tờ trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.774	0	0

Handwritten signature

Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	100%	0%	0%
--	------	------	----	----

5. Phê duyệt Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

6. Phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

7. Phê duyệt Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2018.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

8. Phê duyệt Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

9. Phê duyệt Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

10. Phê duyệt miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

11. Phê duyệt bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần, tương ứng với 17.714.824 số phiếu biểu quyết (Số cổ phần nhân với 01 là số thành viên HĐQT được bầu) theo hình thức bầu dồn phiếu.

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 8.451 phiếu, chiếm 0,05% tổng số phiếu biểu quyết
Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 17.706.373 phiếu, kết quả như sau (sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp):

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu biểu quyết bầu	Tỷ lệ/ Số phiếu hợp lệ
01	Võ Đình Anh Bảo	17.702.773	99,98%

12. Phê duyệt miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần.

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 50 cổ phần, chiếm 0,0003% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết.

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 17.714.774 cổ phần, tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số CP biểu quyết hợp lệ	Trong đó		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
Số phiếu	17.714.774	17.714.674	0	100
Đạt tỷ lệ % tổng số CP biểu quyết hợp lệ	100%	99,9994%	0%	0,0006%

13. Phê duyệt bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.


Tổng số cổ phần tham dự biểu quyết là: 17.714.824 cổ phần, tương ứng với 17.714.824 số phiếu biểu quyết (Số cổ phần nhân với 01 là số Kiểm soát viên được bầu) theo hình thức bầu dồn phiếu.

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 8.451 phiếu, chiếm 0,05% tổng số phiếu biểu quyết

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 17.706.373 phiếu, kết quả như sau (sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp):

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu biểu quyết bầu	Tỷ lệ/ Số phiếu hợp lệ
01	Lê Thị Mai	17.701.373	99,97%

Căn cứ theo quy định của Điều lệ, Điều 144 Luật Doanh nghiệp và căn cứ vào kết quả kiểm phiếu nội dung theo các Tờ trình sau đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhất trí thông qua:

1. Phê duyệt Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc.
2. Phê duyệt Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.
3. Phê duyệt Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.
4. Phê duyệt Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018. 



5. Phê duyệt Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
6. Phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.
7. Phê duyệt Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2018.
8. Phê duyệt Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
9. Phê duyệt Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019.
10. Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Đỗ Anh Việt.
11. Phê duyệt bầu thay thế 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 là Ông Võ Đình Anh Bảo – sinh ngày 24/10/1987 theo đề nghị của cổ đông lớn.
12. Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Tô Hiền.
13. Phê duyệt bầu thay thế 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 là Bà Lê Thị Mai – sinh ngày 24/06/1987 theo đề nghị của cổ đông lớn.

Đại hội nhất trí giao cho HĐQT chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Đại hội bế mạc vào hồi 17h30 phút cùng ngày. Biên bản gồm 14 (mười bốn) trang, được đọc và được toàn thể Đại hội thông qua.

THƯ KÝ



Nguyễn Diệu Hoa



Hoàng Lê Hương



Đỗ Anh Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ TẠI THỜI ĐIỂM KHAI MẠC

(Đính kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/BB-PCT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2019)

STT	HỌ TÊN NGƯỜI THAM DỰ	SỐ CP NĂM GIỮ	SỐ CP ỦY QUYỀN	TỔNG	GHI CHÚ
1	Đỗ Anh Việt	5.540.000	11.000	5.551.000	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Hằng, Bùi Quang Lương
2	Từ Vĩ Huê	45	-	45	
3	Nguyễn Thị Minh Hiền	-	1	1	Nhận ủy quyền của Cổ đông Phùng Thị Phú
4	Võ Ngọc Phụng	-	12.146.772	12.146.772	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Nguyên Ngọc, Trần Vọng Phúc, Trần Thị Thu Hà, Vũ Thị Hiền, Nguyễn Hồng Hiệp
5	Trương Thị Bích Huyền	1	-	1	
6	Trần Hoài Ninh Cơ	-	1	1	Nhận ủy quyền của Cổ đông Phạm Văn Hải
7	Nguyễn Ngọc Nguyên	-	8.600	8.600	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Thanh Bình
8	Trần Trang Thủy Tiên	-	100	100	Nhận ủy quyền của Cổ đông Hoàng Đình Trúc Vân
9	Cao Văn Mạnh	2	-	2	
TỔNG		5.540.048	12.166.474	17.706.522	

Tổng số cổ phần

23.000.000

Tỷ lệ tham gia đại hội

76,98%



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ TẠI THỜI ĐIỂM DIỄN RA ĐẠI HỘI

(Đính kèm Biên bản họp ĐHĐCD số 01/BB-PCT-DHCD ngày 22/04/2019)

STT	HỌ TÊN NGƯỜI THAM DỰ	SỐ CP NĂM GIỮ	SỐ CP ỦY QUYỀN	TỔNG	GHI CHÚ
1	Đỗ Anh Việt	5.540.000	11.000	5.551.000	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Hằng, Bùi Quang Lương
2	Từ Vĩ Huê	45	-	45	
3	Nguyễn Thị Minh Hiền	-	1	1	Nhận ủy quyền của Cổ đông Phùng Thị Phú
4	Võ Ngọc Phụng	-	12.146.772	12.146.772	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Nguyên Ngọc, Trần Vọng Phúc, Trần Thị Thu Hà, Vũ Thị Hiền, Nguyễn Hồng Hiệp
5	Trương Thị Bích Huyền	1	-	1	
6	Trần Hoài Ninh Cơ	-	1	1	Nhận ủy quyền của Cổ đông Phạm Văn Hải
7	Nguyễn Ngọc Nguyên	-	8.600	8.600	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Thanh Bình
8	Trần Trang Thủy Tiên	-	100	100	Nhận ủy quyền của Cổ đông Hoàng Đình Trúc Vân
9	Cao Văn Mạnh	2	-	2	
10	Nguyễn Thị Thảo	-	1	1	Nhận ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Văn Chính. Có mặt tham dự lúc 14h07.
11	Trần Thị Mỹ Hạnh	300	-	300	Có mặt tham dự lúc 14h10.
12	Bùi Minh Hoàn	8.000	-	8.000	Có mặt tham dự lúc 14h17.
13	Phạm Thị Lê	-	1	1	Có mặt tham dự lúc 14h35 (Không có quyền biểu quyết thông qua các nội dung đưa vào chương trình họp).
TỔNG		5.548.348	12.166.476	17.714.824	

Tổng số cổ phần

23.000.000

Tỷ lệ tham gia đại hội

77,02%

NGHI QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/BBH-PCT-ĐHCĐ ngày 22/04/2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

1. Phê duyệt Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc.
2. Phê duyệt Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.
3. Phê duyệt Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.
4. Phê duyệt Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
5. Phê duyệt Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
6. Phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.
7. Phê duyệt Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2018.
8. Phê duyệt Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
9. Phê duyệt Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019.
10. Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Đỗ Anh Việt.
11. Phê duyệt bầu thay thế 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 là Ông Võ Đình Anh Bảo – sinh ngày 24/10/1987 theo đề nghị của cổ đông lớn.
12. Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Tô Hiền.



13. Phê duyệt bầu thay thế 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 là Bà Lê Thị Mai – sinh ngày 24/06/1987 theo đề nghị của cổ đông lớn.

Điều 2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các TV.HĐQT;
- Ban KS, Ban GD;
- Cổ đông PCT;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Đỗ Anh Việt



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29/01/2018 và Nghị quyết số 02/NQ-PCT-ĐHCD ngày 12/11/2018 của Đại hội đồng cổ công năm 2018, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam xin tổng kết kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Đặc điểm tình hình

a. *Khó khăn*

Năm 2018 là một năm mà kinh tế Việt Nam có nhiều khởi sắc với tăng trưởng cao và kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, đây vẫn là một năm còn nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp trong ngành vận tải. Đồng thời, các doanh nghiệp khách hàng đang trong giai đoạn tái cấu trúc quyết liệt, phải thắt chặt chi tiêu, tăng cường tiết kiệm chi phí quản lý nên việc duy trì và phát triển kinh doanh của Công ty đối với các khách hàng này gặp nhiều khó khăn.

Năm 2018 cũng là một năm kinh doanh khó khăn cho đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, cho thuê xe văn phòng nói chung do có sự cạnh tranh lớn từ các loại hình kinh doanh mới như Grab,.. cũng như chính sách giảm thuế xe nhập khẩu làm cho lượng xe cá nhân và doanh nghiệp mua tăng lên, ảnh hưởng tới nhu cầu thuê xe trên thị trường.

Trong quá trình tái cấu trúc, Công ty tiếp tục có nhiều sự biến động về nhân sự nên đã gây ra sự khó khăn trong quản trị điều hành công ty. Việc đầu tư Sà lan Windy 901 và tàu kéo Windy 323 có kết cấu kỹ thuật không phù hợp cũng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh các quý đầu năm.

b. *Thuận lợi*

Tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty sau khi tái cấu trúc với nhiều nhân tố mới đã bước đầu thể hiện được sự đoàn kết, quyết tâm lao động, phấn đấu vì mục tiêu phát triển chung.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nhanh nhạy nắm bắt định hướng kinh doanh mới và mạnh dạn thử nghiệm những lĩnh vực có tiềm năng tạo lợi nhuận tốt hơn. Ngành vận tải biển về các tháng cuối năm tăng trưởng ổn định với giá trị cao. Các tuyến hàng hải quốc tế vận hành thông suốt với lượng hàng hóa dồi dào. Đội ngũ khai thác trực tiếp và

điều hành gián tiếp đều nỗ lực trong công tác. Phần lớn nhân sự cốt cán có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành vận tải biển, tạo thuận lợi lớn cho Công ty khi tiếp cận lĩnh vực kinh doanh mới.

Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực vận tải biển đã được cơ quan chức năng tinh giảm, góp phần làm cho các hoạt động kinh doanh trở nên linh hoạt và hiệu quả hơn.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

➤ Các chỉ tiêu tài chính đạt được:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH 2018/2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	251.549	395.073	260.506	66%	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.188	1.647	6.461	392%	154%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.488	1.155	4.993	432%	143%
4	Nộp NSNN	1.819	14.110	1.729	12%	95%

➤ Phân tích, đánh giá hoạt động trong từng lĩnh vực kinh doanh chính:

2.1 Dịch vụ kinh doanh cho thuê xe và cung ứng nhân lực lái xe

Doanh thu: 53.983 triệu đồng

Giá vốn: 48.314 triệu đồng

Chi phí quản lý phân bổ: 5.452 triệu đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế: 217 triệu đồng

Trong 9 tháng đầu năm 2018, ngành nghề kinh doanh chính của PCT vẫn là kinh doanh cho thuê xe văn phòng nhưng gặp nhiều khó khăn vì gặp phải sự cạnh tranh ngày càng lớn từ nhiều hình thức kinh doanh mới như Grap..., chính sách giảm thuế xe nhập khẩu vào năm 2018 khiến cho lượng xe cá nhân và doanh nghiệp mua tăng, ảnh hưởng tới nhu cầu thuê xe trên thị trường. Chính từ những yếu tố bất lợi của thị trường và cân nhắc mức độ tăng trưởng của lĩnh vực này, Công ty đã quyết định chuyển giao toàn bộ mảng kinh doanh cho thuê xe văn phòng trong Quý 4 năm 2018. Việc chuyển giao hoàn tất vào tháng 11/2018 đánh dấu sự chấm dứt hoạt động của Công ty trong lĩnh vực vận tải đường bộ, tập trung nguồn lực vào những hoạt động mới với triển vọng tốt hơn.

2.2 Dịch vụ Vận tải thủy

Doanh thu: 63.217 triệu đồng

Giá vốn: 46.947 triệu đồng

Chi phí quản lý trực tiếp đội tàu: 6.797 triệu đồng

Chi phí quản lý chung phân bổ: 4.643 triệu đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế: 4.830 triệu đồng

Cuối năm 2017, Công ty chính thức tham gia thị trường vận tải thủy với việc đầu tư cặp sà lan - tàu kéo Windy. Đến cuối năm 2018, số lượng tàu Công ty đang khai thác là 04

tàu, trong đó có 02 tàu chở hàng (Golden Bay, Golden Sea), 01 tàu chở LPG (Red Dragon) và 01 tàu kéo (Windy 323).

Các tàu này được thuê và khai thác theo hình thức cho thuê định hạn xen kẽ cho thuê chuyển lẻ khi cần thiết với doanh thu tương đối ổn định. Kết quả kinh doanh cụ thể của các tàu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Golden Bay	Golden Sea	Red Dragon	Windy
1	Doanh thu	10.807	12.502	17.438	14.222
2	Giá vốn	6.665	9.593	10.963	19.726
3	Chi phí quản lý trực tiếp đội tàu	158	172	110	606
4	Chi phí quản lý chung	516	597	833	1.641
5	Lợi nhuận trước thuế	3.468	2.140	5.532	(7.751)

Bên cạnh đó, Công ty cũng ký hợp đồng quản lý với 04 chủ tàu khác. Số lượng tàu do Công ty quản lý là 19 tàu các loại với kết quả hoạt động như sau:

Doanh thu: 8.247 triệu đồng

Chi phí quản lý trực tiếp đội tàu: 5.751 triệu đồng

Chi phí quản lý chung phân bổ: 1.056 triệu đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế: 1.440 triệu đồng

Việc chuẩn bị trước đội ngũ nhân sự đã có kinh nghiệm, đặc biệt, Ban điều hành đều là những người có nhiều năm làm việc trong ngành vận tải biển đã giúp các hoạt động kinh doanh ban đầu có hiệu quả tốt.

2.3 Lĩnh vực kinh doanh thương mại

Doanh thu: 142.411 triệu đồng

Giá vốn: 139.983 triệu đồng

Chi phí tài chính và chi phí quản lý phân bổ: 553 triệu đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế: 1.875 triệu đồng

Kế hoạch năm 2018, Công ty nghiên cứu triển khai hoạt động mua bán xe ô tô với kế hoạch doanh thu là 100.000 triệu đồng. Tuy nhiên, kế hoạch chỉ thực hiện được trong tháng 1/2018 với doanh thu là 5,4 tỷ đồng, lợi nhuận 14 triệu đồng. Từ tháng 2/2018, do đối tác thay đổi chính sách nên không tiếp tục thực hiện hợp đồng, công ty mất đi khoản doanh thu và lợi nhuận lớn từ việc ngừng hợp đồng này. Trước nguy cơ doanh thu và lợi nhuận mảng thương mại không đạt như kế hoạch, Ban điều hành đã quyết định ký hợp đồng kinh doanh LPG để bù đắp khoản doanh thu và lợi nhuận thiếu hụt trên cơ sở thận trọng quan sát thị trường và có phương án xử lý tốt công nợ.

2.4 Thu hồi vốn đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI

Tháng 12/2016, Công ty thực hiện dự án đầu tư 50 trái phiếu do Công ty Cổ phần SCI phát hành với tổng mức đầu tư là 49.973 tỷ đồng. Tính từ thời điểm đầu tư đến khi trái

phiếu đáo hạn vào ngày 25/12/2018, bình quân mức lãi suất Công ty được hưởng là trên 10%/ năm. Tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2018, Công ty đã thu hồi toàn bộ tiền gốc và tiền lãi của khoản đầu tư này.

2.5 Chủ trương thanh lý 03 lô đất tại Khu bắc Rạch Chiếc, Quận 9

Năm 2018, Công ty có chủ trương thanh lý 03 lô đất tại Khu bắc Rạch Chiếc, Quận 9. Tuy nhiên, thị trường bất động sản tại khu vực này diễn biến theo chiều hướng bất lợi nên Công ty không thực hiện thanh lý 03 lô đất này như dự kiến.

2.6 Hoán đổi đầu tư và thanh lý tài sản:

Do kết cấu kỹ thuật không phù hợp, Công ty đã quyết định thực hiện hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong để cất lỗ và đầu tư sà lan khác có đặc tính kỹ thuật phù hợp để tham gia thị trường chuyển tải than cho các nhà máy nhiệt điện than khu vực ĐBSCL. Theo đó, Công ty đã hoàn thành bước thanh lý sà lan Windy 901 với giá thanh lý là 9.599 triệu đồng. Tính theo giá trị còn lại là 27.716 triệu đồng, sau khi thanh lý khoản lỗ được ghi nhận là 18.117 triệu đồng.

Trong Quý 3 và Quý 4 năm 2018, Công ty đã xúc tiến việc tìm kiếm mua sà lan mặt boong. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa tìm được sà lan mặt boong có đặc tính kỹ thuật phù hợp cho chuyển tải than với chi phí đầu tư hợp lý.

Hơn nữa, hiện nay tuyến luồng chuyển tải than cho các nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, Sông Hậu 1 vẫn chưa được đưa vào khai thác thương mại như dự kiến ban đầu (hiện vẫn đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm đến cuối năm 2020, đầu năm 2021) và hiện cũng chỉ đang cho các phương tiện tự hành khai thác.

Do đó, việc đầu tư hoán đổi sà lan mặt boong trong giai đoạn này là chưa phù hợp với điều kiện thị trường. Công ty tạm hoãn việc hoán đổi đầu tư này cho đến khi thị trường có những chuyển biến tốt hơn và tìm được sà lan mặt boong phù hợp.

Để hạn chế tổn thất cho Công ty, đầu kéo Windy 323 vẫn đang tạm thời được cho thuê định hạn với mức giá 15.500.000đ/ngày.

Đối với mảng kinh doanh cho thuê xe văn phòng, căn cứ thị trường các năm trở lại đây, đặc biệt là 06 tháng đầu năm 2018 và rà soát nhu cầu, tình hình các khách hàng hiện tại của Công ty, Ban điều hành nhận thấy rất nhiều yếu tố biến động như sau:

Hầu hết các xe cho thuê đều sắp hết thời hạn hợp đồng, cụ thể như sau:

	06 tháng cuối năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng xe hết hạn hợp đồng	2	69	73	78

Đội xe đang khai thác hiện tại phần lớn đã cũ, không đáp ứng được như cầu gia hạn hợp đồng của một số đơn vị như Castrol BP, Cửu Long JOC.

Việc đầu tư xe mới theo nhu cầu của khách hàng là vô cùng mạo hiểm vì chưa chắc chắn khả năng tiếp tục gia hạn hợp đồng của họ.

Khách hàng có xu hướng trực tiếp mua xe để phục vụ doanh nghiệp mình mà không thuê ngoài do với chính sách giảm thuế xuất nhập khẩu năm 2018 giá mua xe rẻ hơn.

Một số khách hàng mới yêu cầu các dòng xe hiện Công ty chưa đầu tư, giá trị ban đầu khá cao, ít được ưa chuộng trên thị trường.

Khả năng ký kết thêm các khách hàng mới hiện tại rất khó khăn vì hầu hết những doanh nghiệp trong ngành dầu khí đều cắt giảm chi tiêu do tình hình khó khăn chung của thị trường.

Sự cạnh tranh lớn từ các loại hình kinh doanh mới như Grab và các hình thức hợp đồng thuê xe điện tử khác.

Từ đó, Ban Điều hành nhận định tình hình hoạt động của mảng kinh doanh này giai đoạn 2019 - 2023 là không hiệu quả. Việc tiếp tục duy trì mảng kinh doanh cho thuê xe như hiện tại là không hiệu quả và dự báo trong 05 năm sắp tới, khả năng thua lỗ ước tính 42.508 triệu đồng. Đứng trước tình trạng báo động trên, để giảm thiểu tổn thất, Công ty quyết định chuyển giao toàn bộ mảng kinh doanh cho thuê xe để tập trung vào những hoạt động mang lại lợi nhuận và có tiềm năng phát triển hơn trong bối cảnh thị trường hiện tại.

Tổng hợp số liệu của việc hoán đổi đầu tư và thanh lý các tài sản cố định khác như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Giá trị thanh lý	Giá trị còn lại	Lãi/lỗ (-)
1	02 xe bồn	2.036	5.768	-3.732
2	Sà lan Windy 901	9.599	27.680	-18.081
3	64 xe thanh lý cho Công ty Đông Dương	43.945	34.278	9.667
4	Chuyển giao Hợp đồng mảng dịch vụ xe văn phòng cho Đông Dương	3.637	0	3.637
5	17 xe thanh lý cho các đơn vị khác	12.273	10.061	2.212
6	Máy laptop Apple Macbook MLHF2 core	22	22	0
Tổng		71.512	77.809	-6.297

3. Công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

3.1 Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và lao động tiền lương

Trong năm 2018, công tác cán bộ của Công ty tiếp tục được kiện toàn góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.

Công ty đã hoàn thành thủ tục giải thể các chi nhánh Vũng Tàu, Miền Bắc. Chi nhánh Đại Hùng và chi nhánh Côn Sơn dự kiến sẽ hoàn thành thủ tục giải thể trong 6 tháng đầu năm 2019 vì đây là các chi nhánh có số lượng xe kinh doanh và doanh thu lớn nên cần nhiều thời gian để rà soát và đối chiếu hoàn thành thủ tục tất toán thuế tại cơ quan thuế.

3.2 Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên: gặp mặt cán bộ công nhân viên nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6, trung thu; sinh nhật các cán bộ công nhân viên; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình các cán bộ công nhân viên.

4. Đánh giá chung những kết quả đạt được

Năm 2018 là một năm khó khăn với phần lớn các lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Công ty đều không hiệu quả. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của đội ngũ Ban Điều hành cũng như những quyết sách kịp thời của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã mạnh dạn chuyển hướng kinh doanh, ngừng hoạt động những ngành nghề cũ kém hiệu quả, tập trung phát triển những lĩnh vực mới có triển vọng hơn. Chính nhờ đường lối chỉ đạo đúng đắn và sự nỗ lực của toàn bộ tập thể người lao động, cán bộ công nhân viên và thuyền viên Công ty, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 4.993 triệu đồng, bằng 432% so với năm 2017 và đạt 143% so với kế hoạch đã đề ra.

II. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019

1. Căn cứ xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh vận tải thủy;
- Căn cứ các nguồn lực của Công ty hiện tại (về con người, phương tiện, tài sản thị trường, thương hiệu...).

2. Nhiệm vụ kế hoạch

- Mở rộng lĩnh vực vận tải thủy; xem xét, nghiên cứu đề xuất các phương án đầu tư, thuê mua, thuê tàu phù hợp với tình hình hiện tại nhằm mang lại hiệu quả cao hơn cho Công ty.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị của Công ty, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật trong quá trình quản lý vận hành khai thác đội tàu.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.
- Thực hiện thủ tục giải thể chi nhánh Côn Sơn, hoàn thiện nốt thủ tục giải thể chi nhánh Đại Hùng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019	Tổng số	Trong đó			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
1	Tổng Doanh thu	296.298	103.467	63.749	64.425	64.656
2	Lợi nhuận trước thuế	37.256	9.291	8.631	9.515	9.819
3	Lợi nhuận sau thuế	29.605	7.383	6.855	7.562	7.805
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	8.175	1.615	2.216	2.084	2.260
5	Thực hiện đầu tư	137.280				137.280

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019

4.1 **Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vận tải thủy**

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 cho thấy kinh doanh vận tải thủy là một hướng phát triển đúng đắn. Đây đang là một hoạt động tiềm năng mang lại nhiều doanh thu, lợi nhuận cho Công ty trong điều kiện thị trường như hiện nay. Do đó, trong năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng hoạt động này, tăng số lượng tàu khai thác trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm từ hoạt động quản lý tàu, làm tiền đề cho việc sở hữu và vận hành đội tàu sau này. Các giải pháp đưa ra là:

- Tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.
- Tăng cường làm việc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng cho các tàu mà công ty đang khai thác, đảm bảo tối đa thời gian khai thác với mức giá thuê cạnh tranh.
- Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.

4.2 **Đối với hoạt động kinh doanh thương mại**

- Hoạt động kinh doanh thương mại đối với LPG trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Mở rộng tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh các lĩnh vực mới.

4.3 **Kế hoạch đầu tư và thanh lý tài sản năm 2019**

❖ **Kế hoạch đầu tư:**

Trên cơ sở hiệu quả khai thác tàu Golden Sea, Golden Bay trong năm 2018 và tiềm năng thị trường trong thời điểm hiện tại, Công ty dự kiến đầu tư 02 tàu hàng rời đã qua sử dụng trọng tải từ 21.000 đến 24.000 DWT và từ 26.000 đến 28.000 DWT. Đây là bước cần thiết để hướng tới mục tiêu tạo dựng đội tàu riêng nhằm chủ động hơn trong tìm kiếm khách hàng đồng thời nâng tầm thương hiệu công ty trở thành một trong những chủ tàu chất lượng, uy tín trên toàn quốc.

- Tổng mức đầu tư: 137.280 triệu đồng.
- Vốn đầu tư: vốn chủ sở hữu.

(Báo cáo nghiên cứu khả thi 02 tàu hàng rời đính kèm).

❖ **Kế hoạch thanh lý:**

Tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc lĩnh vực kinh doanh từ năm 2018, Quý 1 năm 2019, Công ty tiếp tục thanh lý các xe ô tô không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn về cho Công ty.

4.4 Giải pháp về tổ chức quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, đào tạo và đảm bảo đội ngũ cán bộ chủ chốt có năng lực, phẩm chất đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.
- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật cho sát với thực tế, hệ thống các quy trình đảm bảo bộ máy vận hành hiệu quả, tiết kiệm theo đúng quy định.
- Công tác tuyển dụng cần đảm bảo lựa chọn đúng người đúng việc nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc và tiết kiệm chi phí cho Công ty.
- Đảm bảo tốt chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty, quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Phối hợp với các Đoàn thể tổ chức tốt các phong trào thi đua sản xuất và cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình xử lý công việc trong Công ty.
- Thực hiện rà soát, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí quản lý nhưng vẫn không ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Trên đây là Báo cáo tính hình sản xuất kinh doanh năm 2018 cũng như định hướng kinh doanh trong năm 2019. Với sự ủng hộ của cổ đông, sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và CBCNV Công ty sẽ nỗ lực, cố gắng phát huy hết năng lực của mình để đạt được những kết quả tốt hơn trong năm 2019.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc (để biết).

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Võ Ngọc Phụng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam xin trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

1. Thành phần Hội đồng quản trị năm 2018:

Hội đồng quản trị từ 29/01/2018 đến 12/11/2018 bao gồm các thành viên:

1. Ông Nguyễn Bá Nghị - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Thanh Sơn - Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy - Thành viên HĐQT;
4. Ông Lê Hoàng Phương - Thành viên HĐQT;
5. Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT.

Ngày 01/10/2018, Ông Nguyễn Văn Dũng có Đơn xin từ nhiệm. Ngày 06/11/2018, Ông Lê Thanh Sơn có Đơn xin từ nhiệm. Ngày 07/11/2018, Ông Nguyễn Bá Nghị có Đơn xin từ nhiệm.

Ngày 12/11/2018, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 phê duyệt việc bầu Ông Đỗ Anh Việt, ông Đặng Nguyên Đăng và ông Võ Ngọc Phụng làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023. Cùng ngày, Hội đồng quản trị bầu ông Đỗ Anh Việt làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại Hội đồng quản trị công ty gồm các thành viên sau:

1. Ông Đỗ Anh Việt – Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Hoàng Phương – Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy – Thành viên HĐQT;
4. Ông Võ Ngọc Phụng – Thành viên HĐQT;
5. Ông Đặng Nguyên Đăng – Thành viên HĐQT.

2. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Các thành viên HĐQT đã triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2018; chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua các Nghị quyết của HĐQT; HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho Giám đốc thực hiện;

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2018, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội.
- Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017.
- Phê duyệt chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Đại Hùng, Chi nhánh Côn Sơn, Chi nhánh Miền Bắc và Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng.
- Phê duyệt chủ trương hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong để phù hợp với điều kiện khai thác các tuyến nội địa.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C cho năm tài chính 2018. Đối với công tác cán bộ, HĐQT đã phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ chủ chốt.

3. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty:

- Lĩnh vực xe văn phòng và cung ứng nhân lực lái xe: Đây là ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty nhưng kết quả doanh thu, lợi nhuận không đạt hiệu quả so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân phần lớn do sự cạnh tranh từ các hình thức kinh doanh vận tải mới áp dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ, đồng thời, do sự giới hạn đối tượng khách hàng chủ yếu là những doanh nghiệp trong ngành Dầu khí nên Công ty gặp nhiều khó khăn từ sự cắt giảm chi tiêu chung của toàn ngành. Trong năm qua, nhiều khách hàng lớn đã chấm dứt hợp đồng với Công ty và không có nguồn khách hàng thay thế dẫn đến doanh thu sụt giảm. Chính vì vậy, sau khi xem xét triển vọng phát triển chung của mảng kinh doanh này trong giai đoạn 05 năm tới cùng với tình hình đội xe và lượng khách hàng hiện tại, Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt chủ trương chuyển giao lĩnh vực cho thuê xe văn phòng của Công ty.
- Lĩnh vực vận tải thủy: Việc khai thác cặp sà lan, tàu kéo Windy 323 – Windy 901 không mang lại hiệu quả như kỳ vọng do kết cấu kỹ thuật không phù hợp, thường xuyên xảy ra sự cố và tổng mức đầu tư cao so với tuổi phương tiện cũng như giá thị trường khiến chi phí khấu hao mỗi tháng ở mức 488 triệu đồng. Sau khi nghiên cứu, cân nhắc nhiều phương án khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong có đặc tính kỹ thuật phù hợp hơn trong việc chuyên tải than cho các nhà máy nhiệt điện than đồng bằng sông Cửu Long như mục đích ban đầu của dự án.
- Lĩnh vực quản lý và khai thác tàu: Từ Quý 3 năm 2018, Công ty thử nghiệm phát triển mảng hoạt động quản lý và khai thác tàu, bước đầu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Trong giai đoạn tiếp cận thị trường mới này, Công ty định hướng tích lũy kinh nghiệm bằng việc thực hiện công tác quản lý cho các đội tàu lớn trong nước, tiến tới tham gia chính thức vào thị trường vận tải biển bằng cách xây dựng đội tàu trong tương lai. Công ty cũng thực hiện ký các hợp đồng thuê tàu trần và cho thuê lại định hạn hoặc

khai thác trong Quý 4/2018. Hầu hết công tác quản lý, khai thác này đều đạt hiệu quả khả quan và mang lại doanh thu đáng kể bù đắp các mảng kinh doanh không đạt chỉ tiêu khác.

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với LPG được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

*** Công tác quản lý:**

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015: điều chỉnh hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.

- Phê duyệt sửa đổi quy chế trả lương, trả thưởng, đưa ra các chính sách thu hút, hỗ trợ và nâng cao thu nhập cho người lao động.

*** Công tác thực hành tiết kiệm:**

- Công ty tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm và tuyên truyền cho người lao động ý thức tiết kiệm.

- Chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Điều lệ và các quy chế quản lý của công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình đầu tư, kinh doanh, dịch vụ và đưa các giải pháp kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban điều hành công ty thực hiện đúng và đầy đủ.

*** Các chỉ tiêu kinh tế:**

- Tổng doanh thu: 260.506 triệu đồng - đạt 104% kế hoạch;

- Lợi nhuận trước thuế: 6.461 triệu đồng - đạt 154% kế hoạch;

- Nộp NSNN: 1.729 triệu đồng - đạt 95% kế hoạch.

(Chi tiết xem Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 của Giám đốc Công ty)

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm 2018 đã nỗ lực hết sức để hoàn thành chức trách nhiệm vụ. Kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra với lợi nhuận sau thuế đạt 4.993 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Theo nhận định của HĐQT, năm 2019 sẽ là năm bản lề cho các hoạt động kinh doanh vận tải thủy của Công ty để bước đầu khẳng định vị thế trên thị trường. Điềm thuận lợi đáng kể là các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đều có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành mảng khai thác và quản lý tàu. Nhân sự Ban điều hành cùng toàn thể công ty cũng được kiện toàn theo định hướng phát triển mới của Công ty.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất mà HĐQT và toàn Công ty gặp phải là sự biến động không ngừng của tình hình thị trường, phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế thế giới và diễn biến chính trị - xã hội trong khu vực. Đây là những yếu tố khách quan ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Để thực hiện tốt kế hoạch hoạt động và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019, HĐQT cần chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban điều hành xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2019:
 - ✓ Doanh thu: 296.298 triệu đồng.
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế: 37.256 triệu đồng.
 - ✓ Nộp NSNN: 8.175 triệu đồng.
- Tìm kiếm giải pháp tối ưu nhằm khai thác hiệu quả cặp tàu kéo, sà lan sau hoán đổi để giảm thiểu mức lỗ. Trong trường hợp không thể có giải pháp khả thi sẽ xem xét phương án thanh lý, cắt lỗ cho Công ty.
- Tìm kiếm cơ hội phù hợp để đầu tư các phương tiện tàu biển đáp ứng mục tiêu xây dựng đội tàu cho Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức... để tăng cường công tác quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2019.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đỗ Anh Việt

TP.HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Thay mặt Ban Kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2018 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019 như sau:

PHẦN A KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2018

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (trước đây là Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long) gồm có 03 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên thực hiện giám sát theo dõi các hoạt động theo sự phân công của Trưởng BKS.

Nhân sự BKS gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Tô Hiền, Trưởng BKS (kiêm nhiệm);
- Bà Vũ Thị Thanh Thanh, thành viên (kiêm nhiệm);
- Bà Đào Ngọc Mai, thành viên (kiêm nhiệm).

2. Hoạt động của từng thành viên BKS

a. Hoạt động của Trưởng BKS - Nguyễn Thị Tô Hiền (kiêm nhiệm):

- Giám sát hoạt động tài chính của Công ty; thẩm tra các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm;
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên;
- Chịu trách nhiệm đôn đốc thành viên BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong BKS, triệu tập và chủ trì các cuộc họp BKS;
- Ủy quyền cho thành viên BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt;
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
- Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

– Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của BKS được gửi đến ĐHĐCĐ;

– Tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT xin ý kiến;

– Các công việc phát sinh khác.

b. Bà Vũ Thị Thanh Thanh - Thành viên BKS (kiêm nhiệm):

– Xem xét, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, hàng năm và kế hoạch 05 năm của Công ty;

– Tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 05 năm và chiến lược phát triển của công ty;

– Có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT đơn vị xin ý kiến;

– Định kỳ hàng quý/năm gửi các báo cáo về nội dung được phân công về Trưởng BKS để tổng hợp báo ĐHĐCĐ công ty;

– Các công việc khác theo phân công của Trưởng BKS.

c. Bà Đào Ngọc Mai - Thành viên BKS (kiêm nhiệm):

– Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

– Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

– Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật, nội quy, quy định của Công ty đối với tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty trừ những trường hợp nêu tại mục a trên đây;

– Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư;

– Xem xét tính hợp lý, tính tuân thủ các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

– Xem xét kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế;

– Có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT đơn vị xin ý kiến;

– Định kỳ hàng quý/năm gửi các báo cáo về nội dung được phân công về Trưởng BKS để tổng hợp báo ĐHĐCĐ công ty;

– Các công việc khác theo phân công của Trưởng BKS.

3. Hoạt động của BKS

3.1. Nội dung công tác Kiểm soát của BKS

– Trong năm 2018, BKS đã tiến hành họp 02 lần để bàn về các nội dung: *kiểm tra kết quả ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, xem xét việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty; tháng 12/2018, BKS họp thống nhất xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra*

định kỳ tại Công ty để phục vụ công tác lập báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. BKS đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; việc tuân thủ Điều lệ; giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, pháp luật Nhà nước;
- Đánh giá, giám sát các thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành;
- Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn;
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập;
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện đề án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.

3.2. Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty

a. *Hội đồng quản trị:*

 *Thành phần Hội đồng quản trị:*

Từ 29/01/2018 đến 12/11/2018, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên bao gồm:

1. Ông Nguyễn Bá Nghị – Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy – Thành viên HĐQT;
4. Ông Lê Hoàng Phương – Thành viên HĐQT;
5. Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên HĐQT.


Trong năm 2018, thành phần Hội đồng quản trị có nhiều xáo trộn, cụ thể như sau:

- Ngày 01/10/2018, Ông Nguyễn Văn Dũng có Đơn xin từ nhiệm.
- Ngày 06/11/2018, Ông Lê Thanh Sơn có Đơn xin từ nhiệm.
- Ngày 07/11/2018, Ông Nguyễn Bá Nghị có Đơn xin từ nhiệm.
- Ngày 12/11/2018, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 phê duyệt việc bầu Ông Đỗ Anh Việt, ông Đặng Nguyên Đăng và ông Võ Ngọc Phụng làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023. Cùng ngày, Hội đồng quản trị bầu ông Đỗ Anh Việt làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị công ty gồm các thành viên sau:


1. Ông Đỗ Anh Việt – Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Hoàng Phương – Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy – Thành viên HĐQT;

4. Ông Võ Ngọc Phụng – Thành viên HĐQT;
5. Ông Đặng Nguyên Đăng – Thành viên HĐQT.

 **Tình hình họp HĐQT:**

Trong năm 2018, các HĐQT Công ty tiến hành họp tổng cộng 11 buổi, chi tiết về tình hình tham dự họp của các thành viên HĐQT Công ty trong năm 2018 cụ thể như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Bá Nghị	Chủ tịch HĐQT	10	100%	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018
2	Lê Thanh Sơn	Thành viên	09	87,5%	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018
3	Nguyễn Thị Hồng Thuý	Thành viên	11	100%	
4	Lê Hoàng Phương	Thành viên	11	100%	
5	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	7	100%	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018
6	Hồ Sĩ Thuận	Thành viên	3	100%	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 29/01/2018
7	Võ Ngọc Phụng	Thành viên	1	100%	
8	Đặng Nguyên Đăng	Thành viên	1	100%	
9	Đỗ Anh Việt	Chủ tịch HĐQT	1	100%	

 **Tình hình ban hành các Nghị quyết, quyết định:**

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã ban hành tổng cộng 55 Nghị quyết và 09 Quyết định về tình hình SXKD của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện
I. CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2018				
1	01/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Thư ký Công ty đối với Bà Đỗ Thúy Lan	Đã thực hiện
2	02/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Thư ký Công ty đối với Bà Vũ Thị Lan Anh	Đã thực hiện
3	03/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018	Đã thực hiện
4	04/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Dương Vũ Phong	Đã thực hiện
5	05/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Thanh Hải	Đã thực hiện

6	06/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Đã thực hiện
7	07/NQ-PCT-HĐQT	08/01/2018	Phê duyệt xếp lương cho Giám đốc Công ty	Đã thực hiện
8	08/NQ-PCT-HĐQT	18/01/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty và Giám đốc Chi nhánh Đại Hùng đối với Ông Lê Văn Phong	Đã thực hiện
9	09/NQ-PCT-HĐQT	18/01/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Lương Minh Dương	Đã thực hiện
10	10/NQ-PCT-HĐQT	18/01/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Huyền	Đã thực hiện
11	11/NQ-PCT-HĐQT	18/01/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Giám đốc chi nhánh đối với Ông Đặng Thanh Hải	Đã thực hiện
12	12/NQ-PCT-HĐQT	23/01/2018	Phê duyệt định biên lao động và quỹ tiền lương năm 2017	Đã thực hiện
13	13/NQ-PCT-HĐQT	25/01/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Dũng	Đã thực hiện
14	14/NQ-PCT-HĐQT	29/01/2018	Phê duyệt bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023	Đã thực hiện
15	15/NQ-PCT-HĐQT	31/01/2018	Thông qua Bảng phân công công việc trong Hội đồng quản trị	Đã thực hiện
16	16/NQ-PCT-HĐQT	31/01/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc đối với Ông Dương Vũ Phong	Đã thực hiện
17	17/NQ-PCT-HĐQT	31/01/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc đối với Ông Nguyễn Văn Dũng	Đã thực hiện
18	18/NQ-PCT-HĐQT	02/02/2018	Phê duyệt thay thế tài sản đảm bảo đối với trái phiếu S99	Đã thực hiện
19	19/NQ-PCT-HĐQT	07/02/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phụ trách kế toán đối với Bà Mai Thị Tươi	Đã thực hiện
20	20/NQ-PCT-HĐQT	14/03/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Thạc Hoài	Đã thực hiện
21	21/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Thanh Hải	Đã thực hiện
22	22/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Võ Ngọc Phụng	Đã thực hiện
23	23/QĐ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Đã thực hiện

24	24/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017	Đã thực hiện
25	25/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2018	Đã thực hiện
26	26/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Thư ký Công ty đối với Bà Vũ Thị Lan Anh	Đã thực hiện
27	27/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty đối với Bà Nguyễn Diệu Hoa	Đã thực hiện
28	28/NQ-PCT-HĐQT	16/05/2018	Phê duyệt phương án khai thác phương tiện tàu biển và sà lan	Đã thực hiện
29	29/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn đối với Ông Dương Vũ Phong	Đã thực hiện
30	30/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Huyền	Đã thực hiện
31	31/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Đã thực hiện
32	32/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn đối với Ông Võ Ngọc Phụng	Đã thực hiện
33	33/QĐ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Côn Sơn	Đã thực hiện
34	34/QĐ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Miền Bắc	Đã thực hiện
35	35/QĐ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng	Đã thực hiện
36	36/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt xếp mức lương khoán cho Giám đốc Chi nhánh Đại Hùng	Đã thực hiện
37	37/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt thành lập Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật Vật tư và Phòng Thuyền viên	Đã thực hiện
38	38/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt chủ trương bán thanh lý 02 xe bồn vận chuyển LPG	Đã thực hiện
39	39/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2018	Phê duyệt chủ trương hoán đổi sà lan Windy 901	Đã thực hiện
40	41/NQ-PCT-HĐQT	14/06/2018	Phê duyệt Báo cáo khả thi Dự án hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong trọng tải 10.000 – 11.000 Dwt	Đã thực hiện
41	42/NQ-PCT-HĐQT	16/06/2018	Phê duyệt giá bán thanh lý sà lan Windy 901	Đã thực hiện
42	43/NQ-PCT-HĐQT	16/06/2018	Phê duyệt giá bán thanh lý 02 xe bồn vận chuyển LPG	Đã thực hiện

43	44/NQ-PCT-HĐQT	28/06/2018	Phê duyệt lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018	Đã thực hiện
44	45/NQ-PCT-HĐQT	03/07/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Văn Dũng	Đã thực hiện
45	46/NQ-PCT-HĐQT	03/07/2018	Phê duyệt mức xếp lương khoán cho Giám đốc chi nhánh Miền Bắc	Đã thực hiện
46	47/NQ-PCT-HĐQT	03/07/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Lưu Quang Hòa	Đã thực hiện
47	48/NQ-PCT-HĐQT	23/08/2019	Phê duyệt báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch 6 tháng cuối năm	Đã thực hiện
48	49/NQ-PCT-HĐQT	23/08/2019	Phê duyệt sửa đổi quy chế trả lương, trả thưởng	Đã thực hiện
49	50/NQ-PCT-HĐQT	26/09/2019	Phê duyệt tái cấu trúc lĩnh vực kinh doanh	Đã thực hiện
50	51/NQ-PCT-HĐQT	28/09/2018	Phê duyệt chuyển giao lĩnh vực cho thuê xe văn phòng của Công ty	Đã thực hiện
51	52/NQ-PCT-HĐQT	03/10/2018	Phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ bất thường 2018	Đã thực hiện
52	53/NQ-PCT-HĐQT	31/10/2018	Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Thạch Hoài	Đã thực hiện
53	54/NQ-PCT-HĐQT	31/10/2018	Phê duyệt ban hành quy chế phối hợp giữa chi uỷ, giám đốc và các tổ chức chính trị xã hội	Đã thực hiện
54	55/NQ-PCT-HĐQT	12/11/2018	Phê duyệt bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023	Đã thực hiện
55	56/NQ-PCT-HĐQT	28/12/2018	Phê duyệt gửi tiền theo huy động tiền gửi của VPB FC	Đã thực hiện
II. CÁC QUYẾT ĐỊNH HĐQT NĂM 2018				
1	02A/QĐ-PCT-HĐQT	02/02/2018	Cử cán bộ đi công tác	Đã thực hiện
2	02B/QĐ-PCT-HĐQT	02/02/2018	Cử cán bộ đi công tác	Đã thực hiện
3	03/QĐ-PCT-HĐQT	26/02/2018	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Đại Hùng	Đã thực hiện
4	04/QĐ-PCT-HĐQT	26/02/2018	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Vũng Tàu	Đã thực hiện
5	05/QĐ-PCT-HĐQT	01/03/2018	Cử cán bộ đi công tác	Đã thực hiện
6	06/QĐ-PCT-ĐHCĐ	20/08/2018	Cử cán bộ đi công tác	Đã thực hiện
7	07/QĐ-PCT-ĐHCĐ	23/08/2018	Sửa đổi quy chế trả lương, trả thưởng	Đã thực hiện

8	08/QĐ-PCT-ĐHCD	03/09/2018	Cử cán bộ đi công tác	Đã thực hiện
9	8A/QĐ-PCT-ĐHCD	11/11/2018	Cử cán bộ đi công tác	Đã thực hiện

3.3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

a. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Hiện tại, Công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh. Quý 4 năm 2018, Công ty đã thanh lý toàn bộ mảng vận tải xe và chuyển sang mảng quản lý và khai thác tàu. Việc chuyển đổi này đã mang lại hiệu quả về doanh thu và lợi nhuận cho công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH 2018/2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	251.549	395.073	260.506	66%	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.188	1.647	6.461	392%	154%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.488	1.155	4.993	432%	143%

b. Kết quả kinh doanh theo loại hình

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng	Bán hàng	Vận tải	Khác
I	DOANH THU	260.506	142.410	108.953	8.247
1	Doanh thu hoạt động	259.611	142.411	108.953	8.247
2	Doanh thu tài chính	7.434			
3	Thu nhập khác	-6.539			-
II	CHI PHÍ	254.045	140.535	106.702	6.807
1	Giá vốn hoạt động	234.799	139.983	94.816	-
2	Chi phí tài chính	370	353	17	
3	Chi phí bán hàng				
4	Chi phí quản lý (*)	18.875	199	11.869	6.807
	LÃI / LỖ	6.461	1.875	2.251	1.440

c. Thu hồi vốn đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI

Khoản đầu tư 50 trái phiếu có mệnh giá: 1.000.000.000 VNĐ do Công ty Cổ phần SCI phát hành có kỳ hạn 3 năm tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 với lãi suất được hưởng là 10% năm, các năm tiếp theo sẽ được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Sở giao dịch/ Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại bao gồm Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh sở giao dịch 1) và ngân hàng TMCP Ngoại

Thương Việt Nam (Sở giao dịch) cộng biên độ 4% năm. Trái phiếu được bảo đảm bằng khoản đầu tư của công ty cổ phần SCI&C, công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bru Điện, và công ty hạ tầng Fecon. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thu hồi toàn bộ tiền gốc và lãi kỳ cuối cùng của khoản đầu tư trái phiếu này là 52.643.750.000 VND.

d. Thực hiện hoán đổi đầu tư và thanh lý tài sản

Do kết cấu kỹ thuật không phù hợp, Công ty đã quyết định thực hiện hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong để cất lỗ và đầu tư sà lan khác có đặc tính kỹ thuật phù hợp để tham gia thị trường chuyển tải than cho các nhà máy nhiệt điện than khu vực ĐBSCL. Sau khi thanh lý sà lan Windy 901, khoản lỗ được ghi nhận là 18.117 triệu đồng. Hiện nay, Công ty vẫn chưa tìm được sà lan mặt boong có kết cấu kỹ thuật phù hợp với mức giá hợp lý nên tàu kéo Windy 323 vẫn được Ban điều hành đàm phán cho thuê định hạn để hạn chế tổn thất cho Công ty.

3.4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty

- Hiện tại, Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017.
- Nhiều quy chế/quy định của đơn vị đã được ban hành từ khá lâu không còn phù hợp với tình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện Ban Giám đốc đã tiến hành rà soát, xây dựng dự thảo Quy chế mới/Quy chế sửa đổi, bổ sung phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình Công ty.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

- Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo đúng các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Việc ghi chép, theo dõi, phân loại các nội dung kinh tế trong báo cáo tài chính đã được thực hiện theo đúng các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong thời gian qua, sự phối hợp giữa BKS, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty được cải thiện rất tốt, BKS đã nhận được sự hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để thực hiện chức trách nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty.

PHẦN B
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BKS NĂM 2019

Căn cứ vào tình hình hoạt động của BKS năm 2018 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, BKS xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2019 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Xem xét tính hợp lý và giám sát việc ban hành và thực hiện các văn bản quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Thẩm định báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2019. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của BKS.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo hoạt động năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 của BKS kính trình đại hội xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(đã ký)

Nguyễn Thị Tô Hiền

TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (đính kèm), kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam trong năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	251.549	260.506	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.188	6.461	154%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.488	4.993	143%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	1.819	1.729	95%

2. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018;
- Phê duyệt kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đỗ Anh Việt

TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

Căn cứ tình hình thị trường và triển vọng phát triển các ngành nghề kinh doanh mới, Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	296.298
2	Lợi nhuận trước thuế	37.256
3	Lợi nhuận sau thuế	29.605
4	Nộp ngân sách Nhà nước	8.175
5	Thực hiện đầu tư	137.280

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đỗ Anh Việt

TỜ TRÌNH

***Về việc Phê duyệt Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải
khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT***

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

Căn cứ tình hình thị trường và triển vọng phát triển các ngành nghề kinh doanh mới, Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam đã xây dựng Phương án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT như sau:

- Tàu đóng tại Nhật Bản, Hàn Quốc có tuổi tàu từ 20 đến 30 tuổi.
- Trọng tải: khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.
- Thời gian triển khai dự án đầu tư dự kiến: Từ Quý IV năm 2019 hoặc tùy thuộc điều kiện thực tế thị trường.
- Các chỉ tiêu kinh tế chính:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
1	Tổng mức đầu tư (TMĐT)	5.930.000 USD
2	<i>Tàu 21.000 - 24.000 DWT</i>	
2.1	NPV	406.260 USD
2.2	IRR (%)	15,23%
3	<i>Tàu 26.000 - 28.000 DWT</i>	
3.1	NPV	325.686 USD
3.2	IRR (%)	15,20%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Phương án đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đính kèm.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành cập nhật, triển khai, thực hiện đầu tư đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo hiệu quả của dự án không thấp hơn hiệu quả đã trình Đại hội đồng cổ đông. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch mua tàu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung hợp đồng mua bán tàu trên cơ sở đề xuất của Giám đốc và giao cho Giám đốc đại diện ký hợp đồng.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Đỗ Anh Việt

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

DỰ ÁN ĐẦU TƯ 02 TÀU HÀNG RỜI

TRỌNG TẢI 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;
- Nghị quyết số 02/NQ-PCT-ĐHCD ngày 12/11/2018 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Khí và hóa chất Việt Nam thông qua;
- Nghị quyết số 50/NQ-PCT-HĐQT ngày 26/09/2018 của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt tái cấu trúc lĩnh vực kinh doanh.

II. GIỚI THIỆU DỰ ÁN:

- Tên dự án: Đầu tư 02 tàu hàng rời trọng tải khoảng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT.
- Hình thức đầu tư: mua sắm trực tiếp.
- Thời gian dự kiến đầu tư: Từ Quý IV năm 2019.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và hóa chất Việt Nam.
- Đơn vị vận hành khai thác: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và hóa chất Việt Nam.

III. THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ RỜI:

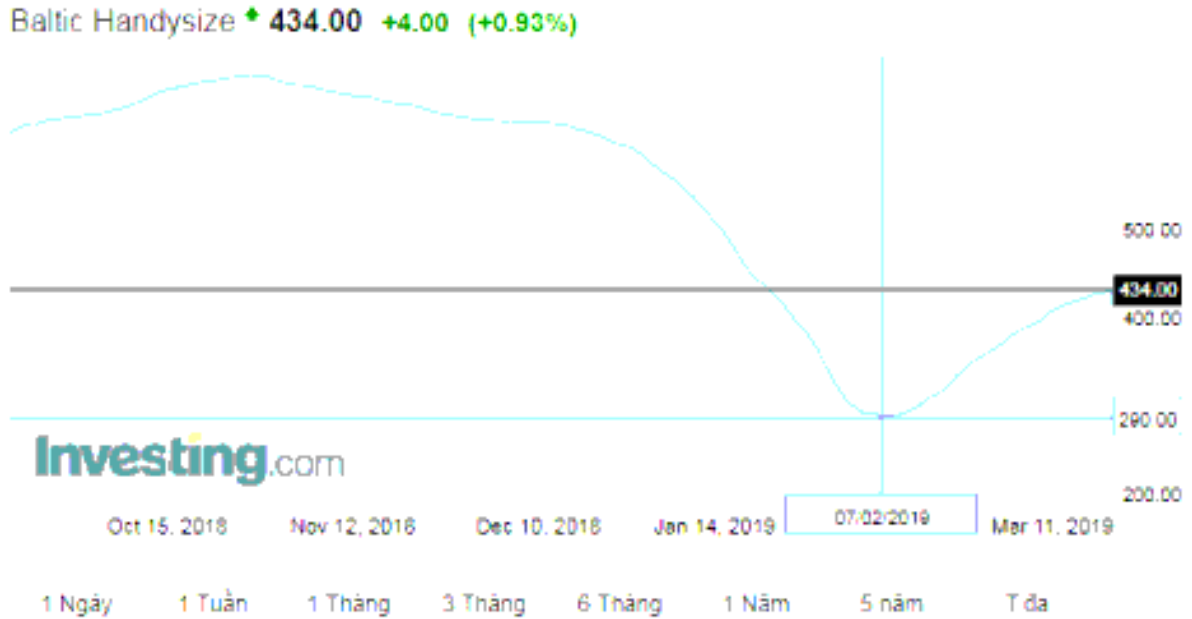
1. Biến động chỉ số BDI, BHSI:

Hai tháng đầu năm 2019, chỉ số BDI (Baltic Dry Index) - chỉ số phản ánh mức cước vận chuyển trung bình theo trọng số của thị trường hàng rời khô giảm mạnh từ 1.300 điểm xuống đến 600 điểm. Tính đến ngày 15/3/2019, chỉ số này đã có sự phục hồi chậm lên mức 730 điểm. Nguyên nhân của tình trạng này là do những căng thẳng trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung trong thời gian trước đã khiến cho trao đổi thương mại toàn cầu giảm. Bên cạnh đó, sự cố vỡ đập chứa chất thải tại một mỏ quặng sắt tại Brazil vào ngày 25/1/2019 cũng có ảnh hưởng tiêu cực thị trường này do Brazil cắt giảm lượng quặng xuất khẩu.



(Biến động BDI từ tháng 1/2018 đến tháng 3/2019. Nguồn: tradingeconomics.com)

Cùng với đà giảm chung của thị trường hàng khô rời, chỉ số BHSI (Baltic Handysize Index) cũng giảm. Mức giảm sâu nhất là vào ngày 07, 08/02/2019: chót phiên với 290 điểm. Ngày 15/3/2019, chỉ số này cũng tăng trở lại với số điểm chót phiên là 434 điểm.



(Biến động BHSI trong khoảng từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019. Nguồn: Investing.com)

Tuy nhiên, thị trường được dự báo sẽ dần hồi phục nhờ khoảng cách cung cầu đang được thu hẹp dần. Nhu cầu vận tải dự báo sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng từ 2,5-3% đến 2020, trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là hai mặt hàng than và quặng, chủ yếu là do nhập khẩu thép của Trung Quốc. Mặt hàng ngũ cốc cũng có tăng trưởng đều trong giai đoạn này, đạt mức trung bình từ 2-3%/năm, chủ yếu là từ Mỹ và Nga.

2. Giá cước cho thuê định hạn:

Giá thuê tàu TC bình quân cho loại tàu Handysize năm 2018 dao động trên dưới 8.000 USD/ngày, cao hơn so với năm 2017 và gần gấp đôi so với đầu năm 2016. Đầu năm 2019, theo tình hình chung của thị trường, giá thuê tàu TC cũng giảm mạnh. Tuy nhiên, với mức giá thuê khoảng trên dưới 6.000 USD/ngày vào đầu tháng 3/2019, đây vẫn là mức giá có thể chấp nhận được đối với các chủ tàu.

Loại tàu	Cỡ tàu (DWT)	2017	2018	2019	2020
		Usd/day			
Handysize	6.000–10.000	>3.000	3.200	3800	4000
	10.000–20.000	3.750-4.000	4.200-4.500	4.700-5.000	5.300-5.500
	20.000–40.000	7.000-7.500	7.300-7.750	7.570-8.000	8.200-8.500
Handymax Supramax	40.000–50.000	8.200-9.000	8.500-9.500	8.750-9.850	9.000-10.000
	50.000–60.000	8.800-10.000	9.000-11.000	9.500-11.400	10.500-11.800
Panamax	60.000–100.000	8.400-11.000	9.500-11.700	10.500-12.300	11.500-13.000

(Cước vận tải năm 2017-2020. Nguồn: <http://mt.gov.vn/vn/tin-tuc/59047/du-bao-thi-truong-van-tai-bien-the-gioi-giai-doan-2018---2020.aspx>)

3. Thị trường mua bán tàu biển:

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, thị trường vận tải biển quốc tế đã có khởi sắc sau một thời gian dài khủng hoảng. Vì vậy, thị trường tàu hàng rời có nhiều giao dịch thành công hơn so với giai đoạn khủng hoảng kinh tế trước đó, giá tàu cũng đã tăng khoảng 20% - 30% kể từ năm 2016 đến nay.

Bảng thống kê một số tàu Handysize đã qua sử dụng được giao dịch mua/bán thành công trên thị trường thế giới từ đầu năm 2018 đến nay:

Tên tàu	Năm đóng	Nơi đóng	DWT	Người mua	Giá	Ghi chú
Victoria Spirit	1996	Japan	26.482	Chinese, Long Bright Shipping	3,50	SS Feb 2021, DD Jan 2019
Patria	1998	Japan	24.021	FGM Chartering	4,20	SS/DD Due Feb 2018
Urania	1998	China	24.247	Chinese, Hubei Qin Tai Shipping	4,20	SS/DD Mar 2018, Germany Owner
Tabernacle Star II	1995	Japan	23.716	Chinese, Hubei Qin Tai Shipping	3,10	Log/Bulker, SS/DD Oct 2019
Zeus I	2009	China	27.315	Greek, Marcrecida Naviera	6,40	SS/DD Jun 2019, Canadian owner
FILITSA	1996	Japan	23.709	Greek, VRS Maritime Service Ltd	4,00	SS May 2021, DD May 2019
FU XING 6	1985	Japan	26.667	Chinese	2,23	Aution sale
HUA YUN 5	2008	China	21.955	Chinese	5,83	Gearless, Chinese owner
DI SHENG	2010	China	27.641	Chinese	9,20	Auction sale
Vinaline Fortuna	1991	Japan	26.369	Chinese	2,30	Auction sale
Ourania	1998	Japan	27.786	Greek, ORYX shipping	5,50	OPEN HATCH, BOX HOLDS, SS NOV 2021, DD JUL 2021
LE TAI	1999	China	22.318	Chinese	4,00	STR HEAVY CARGOES, FS ICE CLASS SS/DD DUE MAR 2019, CHINESE OWNER II, CR 40T,
LE SHENG	1998	China	22.271	Chinese	4,00	STR HEAVY CARGOES, FS ICE CLASS II, CR 40T, SS/DD DUE JAN 2019, CHINESE OWNER
Hanse Gate	2004	China	27.781	Greek	4,70	SS/DD due Aug 2019

Từ đầu năm 2019 đến nay, do thị trường hàng hóa khó khăn, thị trường vận tải biển suy giảm, nên các giao dịch mua bán tàu biển trên thị trường có phần chững lại. Người mua chỉ mua khi giá tàu thật sự rẻ trong khi người bán vẫn chưa thể chấp nhận được mức giá thấp trong thời điểm hiện nay.

Tháng 3/2019, lượng tàu Handysize trên thị trường được chào bán tương đối nhiều, trải dài ở tất cả các phân khúc, độ tuổi, đặc biệt là các tàu đóng từ năm 1995 đến năm 2000. Dự kiến giá của dòng tàu này thời gian tới có khả năng giảm sâu.

IV. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Với chiều dài bờ biển là 3.200km, cùng với nhiều cảng biển sâu, rộng (trên 90 cảng được phân bố theo ba cụm cảng tương ứng ba miền), Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi cho sự phát triển của ngành công nghiệp vận tải biển. Đồng thời, Việt Nam lại nằm trong khu vực có những nền kinh tế năng động nhất trên thế giới hiện nay với nhiều quốc gia đang phát triển mạnh mẽ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Thái lan, Malaysia, Indonesia và đặc biệt là Trung Quốc. Đây là một lợi thế giúp Việt Nam có thể trở thành cầu nối, trung tâm trung chuyển hàng hóa giữa khu vực với thế giới.

Hiện tại, đội tàu biển của Việt Nam có 1.593 tàu (trong đó tàu vận tải hàng hóa là 1.128 tàu). Theo số liệu thống kê của Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD), năm 2018, đội tàu Việt Nam đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN (sau Singapore, Indonesia, Malaysia) và thứ 30 thế giới. Tuổi tàu bình quân của Việt Nam là 14,7 tuổi, trẻ hơn 6,1 tuổi so với thế giới (theo số liệu của UNCTAD, tuổi tàu bình quân của thế giới là 20,8 tuổi).

Năm 2018, tổng sản lượng vận tải do đội tàu biển Việt Nam thực hiện đạt hơn 144 triệu tấn, tăng gần 11% so với năm 2017, chiếm tỷ trọng 55,6% trong tổng lượng hàng hóa luân chuyển của tất cả các phương thức vận tải. Đảm nhận gần 100% lượng hàng hóa vận tải nội địa bằng đường biển, song đội tàu Việt Nam chỉ vận tải chưa được 10% sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, hoạt động chủ yếu trên các tuyến vận tải ngắn đi các cảng trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

Bên cạnh đó, theo “Quy hoạch điều chỉnh phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016, Thủ tướng chính phủ đã đề ra định hướng phát triển đối với nhiệt điện than. Dự kiến nhu cầu than cho các nhà máy nhiệt điện năm 2020 là 66,8 triệu tấn, năm 2025 là 94 triệu tấn, năm 2030 là 135,3 triệu tấn. Ngoài nguồn than trong nước, các nhà máy nhiệt điện đặc biệt là khu vực Duyên Hải, Long Phú, Sông Hậu, Long An,... phải sử dụng nguồn than nhập khẩu. Nhu cầu tiêu thụ than tăng nhanh với quy mô lớn sẽ là điều kiện rất thuận lợi cho ngành vận tải hàng rời.

Đối với Công ty, sau khi thực hiện tái cấu trúc các lĩnh vực kinh doanh vào năm 2018, Công ty đã chuyển hoàn toàn sang lĩnh vực vận tải biển. Vì vậy, việc đầu tư đội tàu là một

nhiệm vụ chiến lược nhằm tận dụng những cơ hội thị trường hiện có khi mà giá tàu trên thị trường thấp. Đồng thời việc đầu tư đội tàu sẽ tận dụng được lợi thế của đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trong công tác quản lý tàu, hướng tới mục tiêu khai thác nhằm mang lại hiệu quả cao hơn cho Công ty.

V. LỰA CHỌN TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ

1. Kích cỡ tàu:

- Từ phân tích nhu cầu của thị trường, Công ty dự kiến đầu tư 02 tàu chở hàng rời Handysize với trọng tải 21.000 - 24.000DWT và 26.000 - 28.000DWT.

2. Nơi đóng:

- Tàu đóng tại Trung Quốc: mặc dù giá rẻ nhưng chất lượng thấp.
- Tàu đóng ở Nhật Bản, Hàn Quốc: chất lượng tàu tốt, thuận tiện cho việc vận hành khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa, giá cả cao hơn nhưng phù hợp.
- Đóng tại Việt Nam: trên thị trường không nhiều, chất lượng các tàu đóng tại Việt Nam cũng chưa thể so sánh với tàu đóng tại Nhật.

Do vậy, Ban điều hành đề xuất chọn **tàu đóng ở Nhật Bản, Hàn Quốc.**

3. Tuổi tàu:

Trong điều kiện thị trường hiện nay, việc đầu tư các tàu dưới 20 tuổi có mức đầu tư lớn là chưa phù hợp do giá cước TC vẫn đang có những điều chỉnh và chưa ổn định. Các tàu có độ tuổi từ 20 đến 30 tuổi, chi phí đầu tư thấp hơn, phù hợp với mức giá cước hiện tại. Các dòng tàu này tuy đã được sử dụng nhiều năm, có thể sẽ phải sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo quá trình vận hành nhưng Công ty lại có đội ngũ nhân sự có kỹ năng và kinh nghiệm quản lý kỹ thuật nên có thể khắc phục được hạn chế này. Vì vậy, Ban điều hành đề xuất chọn **tàu từ 20 đến 30 tuổi.**

V. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN:

1. Tổng mức đầu tư của dự án:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	TÀU 26.000 - 28.000 DWT	TÀU 21.000 - 24.000 DWT
1	Giá tàu	USD	2.750.000	2.550.000
2	Chi phí khác (Lệ phí trước bạ, đăng kiểm, giao nhận,...)	USD	50.000	50.000
3	Thuế GTGT	USD	275.000	255.000
	Tổng mức đầu tư tại thời điểm mua tàu dự kiến	USD	3.075.000	2.855.000

Tổng giá trị đầu tư đã bao gồm VAT: **5.930.000 USD**, tương đương khoảng **137,280 tỷ đồng.**

2. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

Với dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty cân đối đủ nguồn tiền để thực hiện dự án đầu tư 02 tàu hàng rời tải trọng 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT bằng vốn chủ sở hữu, cụ thể:

BẢNG CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN NĂM 2019					
					Đơn vị tính: USD
STT	Các chỉ tiêu	Quý 1/2019	Quý 2/2019	Quý 3/2019	Quý 4/2019
1	Số dư tiền đầu kỳ	3.886.583	115.228	756.070	4.352.605
2	Các khoản thu, chi từ hoạt động SXKD	(3.814.497)	642.138	3.597.831	2.872.752
	- Thu tiền khách hàng	2.289.221	2.343.373	5.364.811	4.605.020
	- Chi trả Chi phí SXKD	6.103.717	1.701.235	1.766.980	1.732.268
3	Các khoản thu, chi từ hoạt động tài chính và hoạt động khác (Trừ lãi vay)	43.141	(1.296)	(1.296)	(1.296)
	- Thu	74.231	-	-	-
	- Chi	31.090	1.296	1.296	1.296
4	Thu, chi của hoạt động đầu tư	-	-	-	(5.930.000)
	- Nhận tiền vay NH	-	-	-	-
	- Chi đầu tư (02 Tàu hàng rời)	-	-	-	5.930.000
	- Hoàn trả gốc vay	-	-	-	-
	- Hoàn trả lãi vay	-	-	-	-
5	Số dư cuối kỳ	115.228	756.070	4.352.605	1.294.061

VI. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

A-Phương án khai thác và hiệu quả đầu tư:

1. Phương án khai thác:

1.1 Phương án khai thác cho thuê tàu định hạn:

Cho thuê tàu định hạn đang là phương thức được nhiều chủ tàu Việt Nam lựa chọn bởi sự an toàn và thuận tiện. Trong hình thức khai thác này, tổ chức chuyên môn hoá cao hơn, phân chia trách nhiệm rõ ràng, khắc phục được sự cạnh tranh bất bình đẳng theo kiểu "cá lớn nuốt cá bé". Chủ tàu dành toàn bộ thời gian để quản lý tàu của mình và chịu các chi phí liên quan đến việc vận hành và duy trì khả năng đi biển của tàu như chi phí thuyền viên bao gồm lương, tiền ăn và nước ngọt, chi phí bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I), chi phí dầu nhờn chạy máy chính và các máy đèn hoặc cầu, chi phí sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn, chi phí vật tư phụ tùng dự trữ, tài liệu và các chi phí quản lý, đăng kiểm, thông tin liên lạc,... Người thuê tàu chịu toàn bộ các chi phí về tiền nhiên liệu tiêu thụ, tất cả các khoản chi phí cảng phí, đại lý, xếp dỡ, phí cầu bến, v.v...

Tàu sau khi được đầu tư, Công ty dự kiến cho thuê định hạn tuyến quốc tế với giá cước cho thuê định hạn từ 4.750 đến 5.200 USD/ngày đối với tàu tải trọng 21.000 - 23.000 DWT và 5.250 - 5.800 DWT đối với tàu tải trọng 26.000 - 28.000 DWT. Đây là mức giá cước phù hợp với tình hình thị trường hiện nay. Trong tương lai, sau khi thị trường điều chỉnh ổn định, mức giá cước này có thể tăng thêm từ 2 đến 4%.

1.2 Phương án tự khai thác (phương án dự phòng):

Trường hợp không gia hạn được hợp đồng thuê định hạn hoặc không tìm được người thuê phù hợp, Công ty dự kiến khai thác chở than chạy nội địa tuyến Bắc - Nam phục vụ các nhà máy nhiệt điện vùng ĐBSCL. Phương án khai thác nội địa như bảng tính dưới đây:

**BẢNG ƯỚC TÍNH HIỆU QUẢ KHAI THÁC TUYẾN NỘI ĐỊA: CẨM PHẢ - NMNĐ
DUYÊN HẢI - TRÀ VINH (CHẠY MỘT CHIỀU) TÀU 26.000 - 28.000 DWT**

- Tổng quãng đường Cẩm Phả - Duyên Hải (vào + ra):	1700
- Thời gian tàu chạy biển (11 lý/giờ; tính theo ngày):	6,44
- Thời gian xếp hàng (ngày):	2,50
- Thời gian dỡ hàng (ngày):	4,50
- Thời gian chờ đợi cầu bến/hàng hóa/thời tiết 2 đầu (ngày):	7,00
TỔNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHUYỂN HÀNG (NGÀY)	20,44
- Giá cước Cẩm Phả - Duyên Hải (USD/tấn không bao gồm VAT):	9,42
- Tiêu thụ dầu:	DO (MT)
Tàu chạy biển	Generator Engine 1,2
Tàu chạy biển	Main Engine 15,5
Xếp, dỡ hàng	Generator Engine 3,3
Xếp, dỡ hàng	Main Engine 0
Neo	Generator Engine 0,8
Neo	Nồi hơi 1,2

TT	Nội dung	KL	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
I	DOANH THU/CHUYỂN:	25500	MT	9,42	235.617,51
II	CHI PHÍ/CHUYỂN:				124.014,62
1	Chi phí dầu DO	144,64	MT	650,00	94.014,62
2	Cảng phí tại Cẩm Phả				15.000,00
3	Cảng phí tại Duyên Hải				15.000,00
4	Chi phí khác				-
III	THU NHẬP				111.602,89
	THU NHẬP BÌNH QUÁN NGÀY TÀU (SPOT)				5.460,19

**BẢNG ƯỚC TÍNH HIỆU QUẢ KHAI THÁC TUYẾN NỘI ĐỊA: CẨM PHẢ - NMNĐ
DUYÊN HẢI - TRÀ VINH (CHẠY MỘT CHIỀU) TÀU 21.000 - 24.000 DWT**

- Tổng quãng đường Cẩm Phả - Duyên Hải (vào + ra):	1700
- Thời gian tàu chạy biển (11 lý/giờ; tính theo ngày):	6,44
- Thời gian xếp hàng (ngày):	2,50
- Thời gian dỡ hàng (ngày):	4,50
- Thời gian chờ đợi cầu bến/hàng hóa/thời tiết 2 đầu (ngày):	7,00

TỔNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHUYỂN HÀNG (NGÀY)		20,44
- Giá cước Cẩm Phả - Duyên Hải (USD/tấn không bao gồm VAT):		9,42
- Tiêu thụ dầu:		DO (MT)
Tàu chạy biển	Generator Engine	1,1
Tàu chạy biển	Main Engine	14,5
Xếp, dỡ hàng	Generator Engine	2,1
Xếp, dỡ hàng	Main Engine	0
Neo	Generator Engine	0,8
Neo	Nồi hơi	1,0

TT	Nội dung	KL	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
I	DOANH THU/CHUYỂN:	22500	MT	9,42	212.055,76
II	CHI PHÍ/CHUYỂN:				113.040,45
1	Chi phí dầu DO	127,75	MT	650,00	83.040,45
2	Cảng phí tại Cẩm Phả				15.000,00
3	Cảng phí tại Duyên Hải				15.000,00
4	Chi phí khác				-
III	THU NHẬP				99.015,31
	THU NHẬP BÌNH QUÂN NGÀY TÀU (SPOT)				4.844,34

Bên cạnh phương án chở than chạy nội địa tuyến Bắc - Nam phục vụ các nhà máy nhiệt điện vùng ĐBSCL, Công ty dự kiến phương án dự phòng tiếp theo là khai thác tàu chuyển chở Sunphur và quặng sắt từ Trung Đông đi Trung Quốc, chở phôi thép từ Trung Quốc sang Nga và một số nước Đông Nam Á. Đối với phương án này, căn cứ tình hình thị trường hiện tại, dự kiến giá cước cho thuê tàu từ 4.800 đến 5.000USD/ngày đối với tàu tải trọng 21.000 - 23.000 DWT và từ 5.300 đến 5.500 USD/ngày đối với tàu tải trọng 26.000 - 28.000 DWT (đã trừ chi phí nhiên liệu, tàu lai, cảng phí, xếp dỡ, đại lý phí...).

2. Chi phí của dự án

2.1 Chi phí hoạt động (Opex)

Chi phí hoạt động Opex của tàu được dự kiến trên cơ sở tham khảo từ các chủ tàu khác đang vận hành tàu tương đương và thực tế chi phí quản lý vận hành tàu Golden Bay và Golden Sea mà Công ty đã thuê bareboat trong Quý 4/2018 và Quý 1/2019. Chi phí hoạt động Opex bao gồm chi phí opex cố định và chi phí opex biến đổi. Với dự kiến tàu sau khi đầu tư sẽ cho thuê định hạn, chi phí hoạt động cố định hàng năm của 2 tàu này là 2.897 USD/ngày cho tàu 26.000 - 28.000 DWT và 2.823 USD/ngày cho tàu 21.000 - 24.000 DWT, cụ thể như sau:

BẢNG TÍNH CHI PHÍ OPEX TÀU CHỞ HÀNG TRỌNG TẢI 26.000 - 28.000 DWT

Stt	Khoản mục chi phí	Ngân sách hoạt động (USD)		Ngân sách hoạt động (VND)	
		Năm	Ngày	Năm	Ngày
Bảng chi phí OPEX của tàu					
I	Chi phí hoạt động hàng năm	1.057.517	2.897	24.481.521.657	67.072.662
1	Lương thuyền viên	262.552	719	6.078.087.840	16.652.295
2	Các khoản trích theo lương (BHXH-BHYT-BHTN & KPCĐ)	17.809	49	412.273.400	1.129.516
3	Phúc lợi cho người lao động	3.759	10	87.016.833	238.402
4	Tiền ăn	56.319	154	1.303.780.000	3.572.000
5	Chi phí khác liên quan đến thuyền viên	25.069	69	580.337.950	1.589.967
6	Bảo hiểm P&I	68.143	187	1.577.509.458	4.321.944
7	Bảo hiểm thân tàu	7.100	19	164.360.650	450.303
8	Vật tư tiêu hao, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho tàu	109.719	301	2.540.000.000	6.958.904
9	Bảo dưỡng thiết bị hành hải & thiết bị thông tin liên lạc (không bao gồm FBB & VSAT)	10.799	30	250.000.000	684.932
10	Trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa hàng năm	12.095	33	280.000.000	767.123
11	Nurót ngọt	36.285	99	840.000.000	2.301.370
12	Dầu nhờn (GE, ME CYL, ME SYS,...)	102.376	280	2.370.000.000	6.493.151
13	Đăng kiểm, giám định, kiểm định, chứng nhận cho tàu	11.015	30	255.000.000	698.630
14	Đánh giá DOC	-	-	0	-
15	Ăn phẩm hàng hải, vật tư y tế tàu	12.959	36	300.000.000	821.918
16	Phần mềm quản lý cho tàu (Q88, CDI, OTIS,...)	432	1	10.000.000	27.397
17	Cước thông tin liên lạc (inmarsat, FBB, VSAT..)	25.918	71	600.000.000	1.643.836
18	Điện thoại, ĐTDĐ, Fax, Internet,email,...	1.555	4	36.000.000	98.630
19	Chi phí tiếp khách	6.479	18	150.000.000	410.959
20	Chi phí khác (Chi phí dầu offhire,...)	4.524	12	104.736.000	286.948
21	Chi phí quản lý phân bổ	174.619	478	4.042.419.526	11.075.122
22	Docking & sửa chữa lớn	107.991	296	2.500.000.000	6.849.315

BẢNG TÍNH CHI PHÍ OPEX TÀU CHỖ HÀNG TRỌNG TẢI 21.000 - 24.000 DWT

Stt	Khoản mục chi phí	Ngân sách hoạt động (USD)		Ngân sách hoạt động (VND)	
		Năm	Ngày	Năm	Ngày
Bảng chi phí OPEX của tàu					
I	Chi phí hoạt động hàng năm	1.030.268	2.823	21.450.696.290	65.344.373
1	Lương thuyền viên	262.552	719	6.078.087.840	16.652.295
2	Các khoản trích theo lương (BHXH-BHYT-BHTN & KPCĐ)	17.809	49	412.273.400	1.129.516
3	Phúc lợi cho người lao động	3.759	10	87.016.833	238.402
4	Tiền ăn	56.319	154	1.303.780.000	3.572.000
5	Chi phí khác liên quan đến thuyền viên	23.231	64	537.795.549	1.473.412
6	Bảo hiểm P&I	60.859	167	1.408.881.500	3.859.949
7	Bảo hiểm thân tàu	5.857	16	135.593.450	371.489
8	Vật tư tiêu hao, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho tàu	131.317	360	3.040.000.000	8.328.767
9	Bảo dưỡng thiết bị hành hải & thiết bị thông tin liên lạc (không bao gồm FBB & VSAT)	10.799	30	250.000.000	684.932
10	Trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa hàng năm	12.095	33	280.000.000	767.123
11	Nurót ngọt	36.285	99	840.000.000	2.301.370
12	Dầu nhòn (GE, ME CYL, ME SYS,...)	102.376	280	2.370.000.000	6.493.151
13	Đăng kiểm, giám định, kiểm định, chứng nhận cho tàu	10.151	28	235.000.000	643.836
14	Đánh giá DOC	-	-	0	-
15	Ăn phẩm hàng hải, vật tư y tế tàu	12.959	36	300.000.000	821.918
16	Phần mềm quản lý cho tàu (Q88, CDI, OTIS,...)	432	1	10.000.000	27.397
17	Cước thông tin liên lạc (inmarsat, FBB, VSAT..)	25.918	71	600.000.000	1.643.836
18	Điện thoại, ĐTDĐ, Fax, Internet,email,...	1.555	4	36.000.000	98.630
19	Chi phí tiếp khách	6.479	18	150.000.000	410.959
20	Chi phí khác (Chi phí dầu offhire,...)	5.813	16	134.560.000	368.658
21	Chi phí quản lý phân bổ	140.031	384	3.241.707.717	8.881.391
22	Docking & sửa chữa lớn	103.672	284	2.400.000.000	6.575.342

2.2 Chi phí vốn (Capex)

BẢNG TÍNH CHI PHÍ CAPEX TÀU CHỖ HÀNG TRỌNG TẢI 26.000 - 28.000 DWT

Stt	Khoản mục chi phí	Ngân sách hoạt động (USD)		Ngân sách hoạt động (VND)	
		Năm	Ngày	Năm	Ngày
1	Khấu hao - 10 năm	280.000	767	6.482.000.000	17.758.904
2	Chi phí sử dụng vốn chủ	307.500	842	7.118.625.000	19.503.082
	TỔNG	587.500	1.610	13.600.625.000	37.261.986

BẢNG TÍNH CHI PHÍ CAPEX TÀU CHỖ HÀNG TRỌNG TẢI 21.000 - 24.000 DWT

Stt	Khoản mục chi phí	Ngân sách hoạt động (USD)		Ngân sách hoạt động (VND)	
		Năm	Ngày	Năm	Ngày
1	Khấu hao - 10 năm	260.000	712	6.019.000.000	16.490.411
2	Chi phí sử dụng vốn chủ	285.500	782	6.609.325.000	18.107.740
	TỔNG	545.500	1.495	12.628.325.000	34.598.151

3. Các thông số chính tính toán hiệu quả dự án

3.1. Tàu trọng tải 26.000 - 28.000 DWT

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị		Ghi chú
			USD	Tr. VND	
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ				
1	Tổng giá trị đầu tư đã bao gồm VAT	USD	3.075.000	71.186	
	Giá mua tàu	USD	2.750.000	63.663	
	Chi phí khác (đưa tàu về, phí khác)		50.000	1.158	
	Thuế VAT 10% trên giá mua		275.000	6.366	
	Tỷ giá USD/VNĐ	VNĐ	23.150		
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				
	Vốn vay NH	USD	0	0	0%
	Vốn chủ sở hữu	USD	3.075.000	71.186	
3	Vay NH				
4	Tỷ suất sinh lời vốn chủ	%/năm	10%		
5	Chi phí chênh lệch tỷ giá	%/năm	0%		
6	Suất chiết khấu dự án (WACC của dự án)	%	11%		
7	Tuổi tàu tính toán hiệu quả dự án	năm	26		
8	Số năm dự án	năm	4		
9	Số ngày khai thác trung bình trong năm				
	Từ 26-30 tuổi	ngày/năm	355		

	<i>Năm sửa chữa SS / DD</i>	<i>ngày/ năm</i>	<i>Trừ 30 ngày</i>		<i>2,5 năm 1 lần</i>
10	Thời gian khấu hao	Năm	10		
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%		
II	DOANH THU				
1	Doanh thu khai thác				
	<i>Từ 26-30 tuổi</i>	USD/ngày	5.390,00		Trừ 3,75% hoa hồng
2	Giá bán thanh lý tàu (300 USD * 5.750 LTD)	USD	1.725.000		
III	CHI PHÍ	ĐVT			
1	Chi phí Opex				
	<i>Chi phí hoạt động hàng năm</i>	USD/ngày	2.897		
2	Chi phí vốn Capex + Chênh lệch tỷ giá (bình quân)	USD/ngày	1.610		

3.2. Tàu trọng tải 21.000 - 24.000 DWT

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị		Ghi chú
			USD	tr. VND	
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ				
1	Tổng giá trị đầu tư đã bao gồm VAT	USD	2.855.000	66.093	
	Giá mua tàu	USD	2.550.000	59.033	
	Chi phí khác (đưa tàu về, phí khác)		50.000	1.158	
	Thuế VAT 10% trên giá mua		255.000	5.903	
	Tỷ giá USD/VNĐ	VNĐ	23.150		
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				
	<i>Vốn vay NH</i>	USD	0	0	0%
	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	USD	2.811.000	65.075	
3	Vay NH				
4	Tỷ suất sinh lời vốn chủ	%/năm	10%		
5	Chi phí chênh lệch tỷ giá	%/năm	0%		
6	Suất chiết khấu dự án (WACC của dự án)	%	11%		
7	Tuổi tàu tính toán hiệu quả dự án	năm	24		
8	Số năm dự án	năm	6		
9	Số ngày khai thác trung bình trong năm				
	<i>Từ 25-30 tuổi</i>	<i>ngày/ năm</i>	355		
	<i>Năm sửa chữa SS / DD</i>	<i>ngày/ năm</i>	<i>Trừ 30 ngày</i>		<i>2,5 năm 1 lần</i>
10	Thời gian khấu hao	Năm	10		
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%		

II	DOANH THU				
1	<i>Doanh thu khai thác</i>				
	<i>Từ 25-30 tuổi</i>	USD/ngày	4.875,00		trừ 2,5% hoa hồng
2	Giá bán thanh lý tàu (300 USD * 5.000 LTD)	USD	1.500.000		
III	CHI PHÍ				
1	Chi phí Opex				
	<i>Chi phí hoạt động hàng năm</i>	USD/ngày	2.823		
2	Chi phí vốn Capex + Chênh lệch tỷ giá (bình quân)	USD/ngày	1.472		

4. Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư:

Kết quả tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án được tập hợp trong bảng sau:

	CHỈ TIÊU KINH TẾ	ĐVT	Tàu 26.000 - 28.000 DWT	Tàu 21.000 - 24.000 DWT	Ghi chú
1	Thời gian hoạt động của dự án	năm	4	6	
2	Tổng doanh thu	USD	9.055.400	11.445.000	
	Doanh thu trung bình hàng năm	USD	1.832.600	1.657.500	
	Thanh lý tài sản cuối dự án	USD	1.725.000	1.500.000	
3	Tổng chi phí	USD	7.192.056	8.937.114	
	Chi phí trung bình hàng năm	USD	1.378.014	1.316.186	
	Giá trị còn lại của tài sản cuối dự án	USD	1.680.000	1.040.000	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	USD	1.863.344	2.507.886	
	Lợi nhuận trung bình hàng năm	USD	454.586	341.314	
	Lợi nhuận do thanh lý tài sản cuối dự án	USD	45.000	460.000	
5	Hiệu quả dự án				
	NPV	USD	325.686	406.260	Tỷ suất chiết khấu 11,0%
	IRR	%	15,20%	15,23%	
	Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	năm	3,78	5,57	

Nhận xét: Dự án có các chỉ tiêu NPV > 0 và IRR > tỷ suất chiết khấu chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

B- Phân tích rủi ro đầu tư

Tính toán hiệu quả dự án biến động theo doanh thu ngày tàu, chi phí, giá tàu đầu tư ảnh hưởng đến dự án như sau:

1. Tàu trọng tải 26.000 - 28.000 DWT

- **Giá tàu đầu tư:**

Dự án	Biến thiên Giá tàu đầu tư					
		110%	105%	100%	95%	90%
NPV	325.686	86.762	206.224	325.686	445.147	564.609
IRR	15,20%	12,04%	13,56%	15,20%	16,97%	18,91%

→ Khi Giá tàu đầu tư tăng thêm 10% thì dự án vẫn có hiệu quả.

- **Doanh thu ngày tàu, chi phí:**

NPV dự án	Biến thiên của doanh thu (thay đổi giá cước tàu)					
	325.686	110%	105%	100%	95%	90%
Biến thiên của chi phí	110%	251.332	23.388	-204.557	-432.502	-660.446
	105%	522.346	294.401	66.456	-161.489	-389.433
	100%	781.575	553.630	325.686	97.741	-130.204
	95%	1.029.021	801.077	573.132	345.187	117.242
	90%	1.264.684	1.036.739	808.795	580.850	352.905

IRR dự án	Biến thiên của doanh thu (thay đổi giá cước tàu)					
	15,20%	110%	105%	100%	95%	90%
Biến thiên của chi phí	110%	14,25%	11,30%	8,33%	5,32%	2,29%
	105%	17,72%	14,80%	11,86%	8,90%	5,90%
	100%	20,99%	18,11%	15,20%	12,27%	9,31%
	95%	24,08%	21,22%	18,34%	15,44%	12,51%
	90%	27,00%	24,16%	21,31%	18,43%	15,53%

→ Khi doanh thu giảm đến 5% nếu chi phí không tăng thì dự án vẫn có hiệu quả.

→ Khi chi phí tăng đến 5% nếu doanh thu không giảm thì dự án vẫn có hiệu quả.

2. Tàu trọng tải 21.000 - 24.000 DWT

- **Giá tàu đầu tư:**

Dự án	Biến thiên Giá tàu đầu tư					
		110%	105%	100%	95%	90%
NPV	406.260	181.216	293.738	406.260	518.782	631.305
IRR	15,23%	12,75%	13,94%	15,23%	16,61%	18,12%

→ Khi giá tàu đầu tư tăng thêm 10% thì dự án vẫn có hiệu quả.

- **Doanh thu ngày tàu, chi phí:**

NPV dự án	Biến thiên của doanh thu (thay đổi giá cước tàu)					
	406.260	110%	105%	100%	95%	90%
Biến thiên của chi phí	110%	267.177	-13.430	-294.038	-574.645	-876.864
	105%	625.166	344.559	63.951	-216.656	-497.264
	100%	967.475	686.868	406.260	125.653	-154.955
	95%	1.294.104	1.013.497	732.889	452.282	171.674
	90%	1.605.053	1.324.446	1.043.838	763.231	482.623

IRR dự án	Biến thiên của doanh thu (thay đổi giá cước tàu)					
	15,23%	110%	105%	100%	95%	90%
Biến thiên của chi phí	110%	13,80%	10,86%	7,87%	4,82%	1,49%
	105%	17,47%	14,59%	11,67%	8,70%	5,67%
	100%	20,91%	18,09%	15,23%	12,32%	9,36%
	95%	24,14%	21,36%	18,55%	15,69%	12,80%
	90%	27,17%	24,43%	21,66%	18,85%	16,00%

- ➔ Khi doanh thu giảm đến 5% nếu chi phí không tăng thì dự án vẫn có hiệu quả.
- ➔ Khi chi phí tăng đến 5% nếu doanh thu không giảm thì dự án vẫn có hiệu quả.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Căn cứ tình hình vận tải hàng rời trong và ngoài nước thời điểm hiện tại, căn cứ định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới, việc đầu tư đội tàu là yêu cầu bắt buộc để tận dụng tối đa thời cơ thị trường cũng như xây dựng thương hiệu và vị thế của Công ty khi bước chân sang một lĩnh vực kinh doanh mới. Thêm vào đó, đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm trong mảng quản lý và khai thác tàu sẽ là yếu tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của dự án.

Qua nghiên cứu, tính toán trong báo cáo đầu tư nêu trên, dự án mua 02 tàu chở hàng rời trọng tải 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000 DWT là phương án đầu tư có tính khả thi, mang lại hiệu quả kinh tế tốt cho Công ty. Việc đầu tư tàu tại thời điểm hiện nay là phù hợp khi giá mua tàu đang thấp để xây dựng đội tàu cho Công ty trong tương lai.

Do vậy, Ban Điều hành đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận phương án đầu tư 02 tàu chở hàng rời trọng tải 21.000 - 24.000 DWT và 26.000 - 28.000DWT như đã trình bày trên đây.

Kính trình./.

TP. HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2019

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Võ Ngọc Phụng

Số: /TTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc trích lập các quỹ năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến hết Quý 3/2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 4/2018 đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường phê duyệt tại Nghị Quyết số 02/NQ-PCT-ĐHCD ngày 12/11/2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 4.993 triệu đồng vượt, 43% so với kế hoạch đề ra (3.488 triệu đồng).

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung liên quan đến việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 theo BCTC đã được kiểm toán	26.422.544.167	
1.1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	21.429.690.335	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2018	4.992.853.832	(1)
2	Lợi nhuận phân phối	899.285.383	
2.1	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	499.285.383	10% * (1)
2.2	Quỹ khen thưởng ban điều hành	400.000.000	
3	Lợi nhuận còn lại	25.523.258.784	

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đỗ Anh Việt

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán của Công ty cho năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán lớn, có nhiều kinh nghiệm và trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận. Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2019, cụ thể:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
3. Công ty kiểm toán KPMG;
4. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C.
5. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
6. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong sáu Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm; soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2019 theo quy định hiện hành.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Tô Hiền

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

***Về việc thông qua Báo cáo thù lao năm 2018,
kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2019***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 như sau:

I. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018:

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam về việc kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS như sau:

- Đối với Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT không chuyên trách thù lao: 3.000.000 đồng/người/tháng; Trưởng BKS không chuyên trách: 1.500.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng. Kế hoạch được duyệt năm 2018 là 222.000.000 đồng. Tổng số tiền thù lao thực hiện là 222.000.000 đồng.

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty: Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo đúng Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

II. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2019:

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2019; căn cứ quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, Công ty báo cáo kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2019 như sau:

- Đối với Chủ tịch HĐQT không chuyên trách thù lao: 3.000.000 đồng/người/tháng; thành viên HĐQT không chuyên trách: 2.000.000 đồng/người/tháng; trưởng BKS không chuyên trách: 1.500.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao dự kiến là: 174.000.000 đồng.

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty: Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo đúng Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thù lao năm 2018;
- Kế hoạch thù lao năm 2019 của HĐQT và BKS.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đỗ Anh Việt

NGHỊ QUYẾT

Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền quyết định cho Giám đốc ban hành theo NQ số 02/QĐ-HĐQT ngày 13/01/2017 của HĐQT;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số *06* /BB-PCT-HĐQT ngày 22 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng quản trị.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Bầu bà Nguyễn Thị Hồng Thúy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 22/04/2019.

Điều 2: Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thị Hồng Thúy chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Các UV.HĐQT, BKS;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, HĐQT, DH(05).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN



Võ Ngọc Phụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

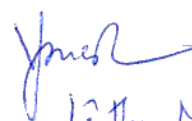
Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- 1/ Họ và tên: Lê Thị Mai
2/ Giới tính: Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh: 24/6/1987
4/ Nơi sinh: Thanh Hóa
5/ Số CMND: 172.02.1376 Ngày cấp: 22/6/2006 Nơi cấp: Thanh Hóa
6/ Quốc tịch: Việt Nam 7/ Dân tộc: Kinh
8/ Địa chỉ thường trú: 874 Quang Trung 3, P. Đông Vệ, TP. Thanh Hóa
9/ Số điện thoại: 091.82.86.336
10/ Địa chỉ email: maimai308@gmail.com
11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên BKS
12/ Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
13/ Số cổ phần nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ.
14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
15/ Danh sách người có liên quan của người khai

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Số GCN đăng ký doanh nghiệp	Số lượng CP nắm giữ (nếu có)	Mối quan hệ
1	<u>Lê Trung Cường</u>	<u>171131858</u>		<u>Bố đẻ</u>
2	<u>Bùi Thị Thái</u>	<u>110032704</u>		<u>Me đẻ</u>
3	<u>Lê Thị Huệ</u>	<u>172021377</u>		<u>Chị gái</u>
4	<u>Lê Trung Tráng</u>	<u>173346562</u>		<u>Em trai</u>
5				
6				
7				
8				

- 16/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng/Quỹ đại chúng (nếu có): Không
17/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng/Quỹ đại chúng (nếu có): Không
Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI


Lê Thị Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

1/ Họ và tên: **VÕ ĐÌNH ANH BẢO**

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 24/10/1987

4/ Nơi sinh: Lộc Trì, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

5/ Số CMND: 191627137 Ngày cấp: 24/08/2018 Nơi cấp: CA Tỉnh Thừa Thiên Huế

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Lộc Trì, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

9/ Số điện thoại: 0937123346 / 0962003546

10/ Địa chỉ email: baovda@gmail.com

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Thành viên HĐQT*

12/ Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Kinh Doanh, Công Ty CP Vận Tải Nhật Việt.

13/ Số cổ phần nắm giữ:, chiếm% vốn điều lệ.

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):

15/ Danh sách người có liên quan của người khai


STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Số GCN đăng ký doanh nghiệp	Số lượng CP nắm giữ (nếu có)	Mối quan hệ
1	Võ Biểu	190165820		Cha ruột
2	Võ Thị Hồng Nga	191627136		Chị ruột
3	Hoàng Thị Diệu Linh	001189019029		Vợ
4	Võ Hoàng Bảo Nam			Con ruột
5				
6				

16/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng/Quỹ đại chúng (nếu có):

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng/Quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



Võ Đình Anh Bảo